

Khảo luận về pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát chùa Liên Trì

Nguyễn Hữu Mạnh*

Tóm tắt: Bảo tàng Nghệ thuật Châu Á - Guimet (Musée National des Arts Asiatiques - Guimet) hay còn gọi là Bảo tàng Guimet (Musée Guimet), là một bảo tàng chuyên trưng bày về nghệ thuật châu Á tọa lạc tại số 6, Quảng trường D'Aléa, Quận 16, thành phố Paris, Pháp. Bảo tàng có không gian trưng bày 5.500m², lưu giữ hơn 50.000 hiện vật. Đây là một trong những địa chỉ hàng đầu thế giới không thể bỏ qua đối với bất cứ ai muốn tìm hiểu và nghiên cứu về mỹ thuật tôn giáo vùng Viễn Đông. Tại đây hiện còn đang lưu giữ khoảng hơn 500 hiện vật sưu tầm có xuất xứ từ Việt Nam, trong đó có pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát (Quán Thế Âm nghìn tay nghìn mắt) chùa Liên Trì vẫn luôn là một trong những tác phẩm chứa đựng bí ẩn và thu hút sự chú ý đặc biệt của bất kỳ du khách nào đến chiêm ngưỡng. Đồng thời, pho tượng cũng nhận được nhiều quan tâm trao đổi tại các diễn đàn quốc tế và ở Việt Nam đề cập đến nghi vấn về xuất xứ, niên đại và phong cách nghệ thuật của pho tượng. Trong bài viết này, tôi từng bước tra cứu lịch sử nghiên cứu, giới thiệu đặc điểm tạo hình, khảo luận tổng quan nghệ thuật học Phật giáo góp phần luận giải về xuất xứ, niên đại và giá trị nghệ thuật điêu khắc nổi bật của pho tượng này trong lịch sử tạo tác nghệ thuật Phật giáo Việt Nam.

Từ khóa: Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát; chùa Liên Trì; chùa Báo Ân; Bảo tàng Guimet; Phật giáo.

Ngày nhận 05/11/2023; ngày chỉnh sửa 25/12/2023; ngày chấp nhận đăng 28/02/2024

DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxnvn10.1.NguyenHuuManh>

1. Dẫn luận

Pho tượng sơn son thếp vàng khắc họa Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát chùa Liên Trì nổi bật trong không gian trưng bày nghệ thuật Đông Nam Á ở Bảo tàng Guimet. Bên cạnh pho tượng này, còn một số pho tượng khác có nguồn gốc từ Việt Nam như tượng Quán Thế Âm Bồ tát đang đứng (tám tay), Quán Thế Âm tọa sơn, các tượng đều có kích thước tương đối lớn. Nhóm tượng Phật giáo này là những báu vật của người Việt Nam lưu lạc nơi xứ người

(Ảnh 1). Tuy nhiên, trước khi xuất hiện như một tác phẩm tiêu biểu của nghệ thuật tạo tác tượng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát có một hành trình lưu lạc phức tạp, nhiều năm bị lãng quên, bị nhầm lẫn về xuất xứ. Pho tượng Quán Thế Âm có mã số MG 26626, thể hiện vị Bồ tát trong tư thế đứng trên bệ tòa sen, được chạm khắc bằng gỗ, phủ sơn son và thếp vàng, với hàng trăm cánh tay xếp thành sáu lớp tạo thành bố cục hình cánh cung. Mặt sau của các cánh tay này nối ghép vào với nhau, tạo thành một mặt phẳng. Kích thước cao tổng thể của tượng là 147cm, trong đó chiều cao từ chân

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; email: manhh@ussh.edu.vn

tới đầu tượng là 130cm, rộng lớn nhất của hai cánh tay là 139cm, dày 40cm (Musée national des arts Asiatiques Guimet 2017: 6). Trong cuộc trưng bày 113 đồ thép vàng châu Á (113 Ors d'Asie), pho tượng được đặt trên một bệ tượng và hình chụp năm 1909, hiện lưu trữ tại Médiathèque de

l'architecture et du patrimoine cũng cho thấy pho tượng này gồm hai phần: bệ tượng và thân tượng (Donation René-Jacques, Ministère de la Culture (France), Médiathèque du patrimoine et de la photographie, diffusion RMN-GP, Référence AP68L03993).

Ảnh 1: “Báu vật” của Việt Nam đang trưng bày ở Bảo tàng Guimet



(Nguồn: Bảo tàng Guimet)

2. Truyền thống tôn thờ tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát ở Việt Nam

Bức tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát chùa Liên Trì hiện đang trưng bày ở Bảo tàng Guimet là một kiệt tác trong nghệ thuật Phật giáo Việt Nam. Bức tượng này đã được liệt vào danh sách là một trong 113 bảo vật tiêu biểu nhất đến từ các nền mỹ thuật tôn giáo châu Á gồm các nước Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, v.v. Bức tượng là một trong những báu vật, là minh chứng rõ ràng cho nét đặc sắc của nghệ thuật Phật giáo Việt Nam trong dòng chảy chung của nghệ thuật Phật giáo thế giới.

Về lịch sử ra đời của Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát đã có nhiều nghiên cứu chuyên sâu. Người ta cho rằng, các vị thần Indra (thần sấm sét), Vishnu (thần bảo tồn, đấng bảo hộ của vạn vật), Rudra (thần Bão tố) trong Bà La Môn giáo cũng có ngàn tay, ngàn mắt nhưng hình thức Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát trong Phật giáo chịu ảnh hưởng của hình tượng thần Shiva (thần hủy diệt)¹ ngàn tay

¹ Hình tượng thần Shiva mà Hậu Đảng Đại Dụng đề cập đến ở đây có lẽ là hình tượng thần Shiva trong điệu múa Nataraja (Chúa tể của các vũ điệu, hay còn gọi là điệu múa hủy diệt, bởi theo tư tưởng Bà La Môn giáo, có hủy diệt mới có tái sinh) với ít nhất 4 cánh tay, có thể là 8, 14, 16, 18 cánh tay.

ngàn mắt trong Bà La Môn giáo (Hậu Đăng Đại Dụng 2021: 201-202). Tuy vậy, không một hình ảnh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát nào được tìm thấy ở Ấn Độ, nhưng trong lời tựa của bản dịch *Chú đại bi* người ta cho rằng một vị cao tăng tên là Cù-đa-đề-bà từ miền Trung Ấn Độ đã đến Trung Quốc vào niên hiệu Vũ Đức thời Đường (năm 618-626) dâng lên vua Thái Vũ Tông một bức tranh về hình tượng cùng với một văn bản về các nghi lễ liên quan tới vị Quán Thế Âm này. Sau đó, khoảng năm 627-649, một vị cao tăng khác đến từ miền Bắc Ấn Độ cũng mang tới Trung Quốc một văn bản tiếng Phạn của *Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh* rồi pháp sư Trí Thông dịch văn bản đó sang Hán văn. Từ phương diện này mà suy đoán, có thể nhận định rằng tín ngưỡng tôn thờ tranh vẽ và tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát đã được hình thành ở miền Trung Ấn, Bắc Ấn vào đầu thế kỷ VII (Malalasekera 1966: 422; Thích Minh Cảnh 2016: 5498; Hậu Đăng Đại Dụng 2021: 203-204). Nghĩa là, từ rất sớm hình tượng này đã được biết tới ở Trung Hoa, sau đó có thể lan truyền và được ưa chuộng thờ cúng tại các quốc gia, như: Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc và Việt Nam.

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát được thờ phụng phổ biến. Nhiều văn bia đã ghi chép lại truyền thống tôn thờ vị thần này dưới danh xưng tượng Đại Bi, như: Văn bia chùa Đại Bi núi Văn Lỗi² do Phạm Sư Mạnh (1300-1384) khắc năm 1327 có nhắc đến việc đúc một pho tượng Đại Bi bằng vàng; Văn bia tháp Viên Thông ở chùa Thanh Mai khắc năm 1362 cho biết năm 1321, Tổ thứ hai Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam Pháp Loa đúc một pho Đại Bi, cũng như *Tam tổ thực lục* cũng có nhắc đến việc đúc tượng

Thiên thủ Đại Bi, văn bia chùa Diên Phúc khắc năm 1328 (Hà Văn Tấn và cộng sự 1993: 49; Hà Văn Tấn 1997: 425-426). Hình tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát được cho rằng chịu ảnh hưởng rõ rệt của Mật giáo. Lý Lợi An (2021: 241) cho biết Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát là một trong sáu vị Quán Thế Âm quan trọng nhất của Mật giáo. Vị Quán Thế Âm này được đề cập đến trong nhiều kinh tạng Mật giáo³. Trong Mạn đà la của Mật giáo, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát xuất hiện trong cả Kim Cương giới và Thai Tạng giới. Ngài được gọi là Liên Hoa Bộ hoặc Quán Âm Bộ là một trong năm bộ của Kim Cương giới và là một trong ba bộ của Thai Tạng giới. Những nghiên cứu của Hà Văn Tấn (1965: 39-50; 1970: 24-31; 1986: 21-35) chỉ ra rằng Mật giáo có mặt trong Phật giáo Việt Nam với bằng chứng rõ ràng trong thế kỷ IX-X. Phạm Thị Chuyên (2020: 49) trong luận án của mình cũng cho rằng Phật giáo thời Trần là nền Phật giáo thống nhất trên nền tảng hợp nhất ba phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường hiện diện ở Đại Việt thời Lý. Tuy rằng, nhiều nhà nghiên cứu gọi ba phái này là Thiền phái, nhưng bên trong tư tưởng và thực hành của họ không thuần túy là Thiền. Hai trong ba phái đó đã có màu sắc Mật tông rõ nét trong tư tưởng và thực hành, đó là Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông.

Bức tượng Quán Thế Âm chùa Liên Trì được đề cập ở đây cho thấy, những ảnh hưởng của Mật giáo trong đời sống xã hội và tôn giáo của người Việt vẫn tiếp diễn tới thế kỷ XIX. Bức tượng này cùng với các tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), Mễ Sở (Hưng Yên), Đào Xuyên (Hà Nội), v.v. là những minh chứng cho truyền thống tôn thờ

² Nay là chùa Đại Bi Diên Minh, xã Mộ Đạo, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

³ Đề có thể tìm hiểu thêm về những bộ kinh Mật giáo lấy Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm làm trung tâm, xin tìm đọc Hậu Đăng Đại Dụng (2021: 392-400).

Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát ở Việt Nam. Trong số những tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát hiện biết, bức tượng Quán Thế Âm chùa Liên Trì mà tôi sắp đề cập tới đây là bức tượng trong hình tượng đứng với đủ ngàn tay ngàn mắt duy nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Bức tượng được nghệ nhân chạm khắc một cách công phu, tỉ mỉ, kỹ càng đến từng chi tiết nhỏ. Toàn bộ thân tượng được sơn son thếp vàng một lớp dày vừa thể hiện tư duy, thẩm mỹ của người chế tác nhưng cũng thể hiện chính xác hình tượng của vị Quán Thế Âm này trong những kinh điển Mật giáo.

3. Xuất xứ và hành trình lưu lạc của pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát

3.1. Một báu vật của nghệ thuật Phật giáo Việt Nam

Trước đây, tồn tại nhiều nghi ngờ về nguồn gốc pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát đang được trưng bày tại Bảo tàng Guimet, thậm chí, có luồng ý kiến cho rằng đây là một tác phẩm điêu khắc xuất sắc của nghệ thuật Phật giáo Trung Hoa⁴. Tuy vậy, trong phần viết phía dưới, tôi sẽ cùng đi giải đáp cho xuất xứ và có lý do để chúng ta tin rằng pho tượng này từng được thờ phụng ở chùa Liên Trì, ngôi chùa lớn từng tồn tại bên Hồ Gươm.

Ảnh 2: Quá trình phục hồi pho tượng



(Nguồn: Bảo tàng Guimet)

Cho đến năm 2013, bức tượng này vẫn còn được lưu giữ ở tầng một của bảo tàng,

trong khu vực dành riêng cho Phật giáo Trung Quốc và được cho là của thời Ngũ

⁴ Bức tượng này được cho rằng là do Gustave Dumoutier trao tặng cho bảo tàng Guimet. Chúng ta biết rằng đôi khi các chuyến công tác đã đưa Dumoutier đến vùng giáp ranh giữa phía bắc Đông Dương với phía Nam Trung Quốc, chủ yếu ở Vân Nam; ông hoàn toàn có thể mang về

các bức tượng Phật giáo từ những chuyến đi này. Không những thế, pho tượng có thể được chế tác tại Nam Trung Quốc, nó có thể đã được dùng để thờ phụng tại một ngôi chùa mang hơi hướng Trung Hoa theo yêu cầu của những người có công đức cho chùa (Baptiste 2001: 66).

Đại (907-960) hoặc thời Tống (960-1279) (Baptiste 2015: 205). Ở Trung Quốc dưới thời Đường, hình tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát này phát triển vượt bậc với nhiều minh chứng vẫn còn hiện tồn tại Trung Quốc, Hàn Quốc và đặc biệt là ở Nhật Bản. Tại Trung Quốc, một số hình tượng cổ xưa nhất được tìm thấy thuộc về thời Bắc Tống (960-1126), trên các bức bích họa hang động Mạc Cao ở Đôn Hoàng thuộc tỉnh Cam Túc, hay pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm bằng đồng hiện đang thờ tại chùa Long Hưng, huyện Chính Định, tỉnh Hà Bắc. Baptiste (2015: 206) chỉ ra rằng pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm

Bồ tát ở Guimet có một số đặc điểm chung với các pho tượng này, đều là tượng Bồ tát thể hiện dưới dạng đứng, mặc y phục dài thắt nơ ở eo với các nếp gấp dính chuỗi hạt và đá trang sức, dải lụa vắt qua vai, tay đeo vòng, đầu đội mũ miện. Ngoài ra, còn là sự tương đồng ở nhiều chi tiết khác như sự phân bố các cánh tay chính - phụ, động tác của các cánh tay chính và nhất là những vật được cầm trên các cánh tay chính đã gần như biến mất khỏi bức tượng không hoàn chỉnh này. Do đó, bức tượng có lúc bị lầm tưởng là một tác phẩm điêu khắc có nguồn gốc từ Trung Quốc.

Ảnh 3: *Pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm được trưng bày năm 1909*



(Nguồn: *Sưu tập của René-Jacques, Bộ Văn hóa Pháp, Thư viện truyền thông về di sản và nhiếp ảnh, RMN-GP, Tài liệu AP68L03993*)

Tuy nhiên, pho tượng cũng mới chỉ được tu bổ trong thập niên 90 của thế kỷ XX. Trước đây, pho tượng đã trong tình trạng hư hỏng nặng và không còn được trưng bày nữa. Các chuyên gia phục chế hàng đầu của Bảo tàng Guimet đã dành nhiều công sức, sự cẩn trọng và tỉ mỉ để phục hồi lại pho tượng

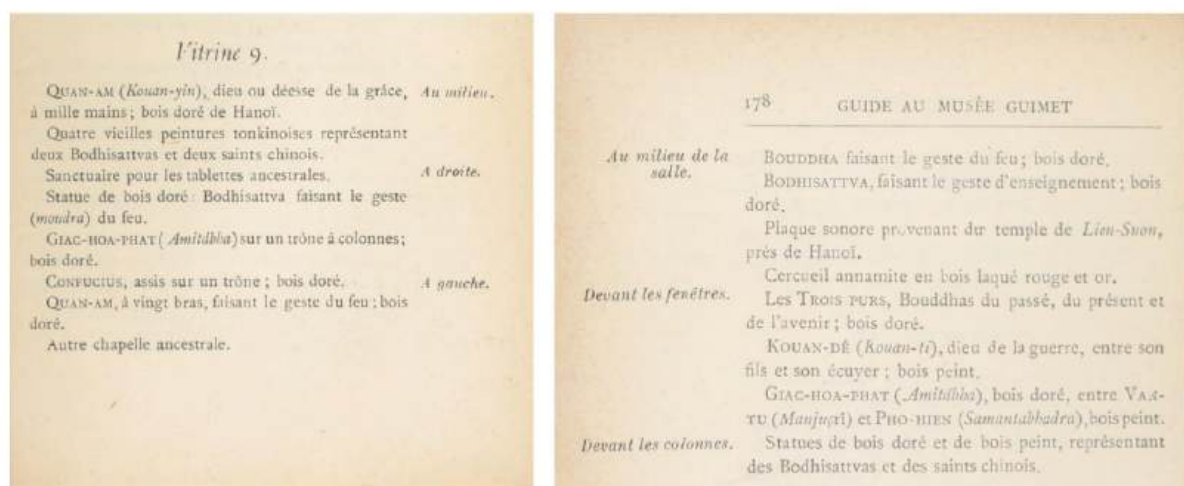
hoàn chỉnh đến từng chi tiết như chúng ta nhìn thấy hiện nay (Ảnh 2). Tư liệu cho thấy, trước khi tu bổ thì lớp sơn và vàng thếp phủ bên ngoài của pho tượng vẫn còn nguyên trạng, tuy nhiên, kết cấu tổng thể của bức tượng bị tách rời thành khoảng hơn 800 mảnh nhỏ chủ yếu là các cánh tay, mặt

sau phần lưng bị nứt vỡ thành các khe rãnh lớn. Năm 2014, nhân kỷ niệm “Năm Việt Nam - Pháp”, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam tại Hà Nội và Bảo tàng Guimet phối hợp tổ chức triển lãm “Rồng bay - Nghệ thuật Cung đình Việt Nam”, bức tượng được trưng bày và thu hút sự chú ý của công chúng và nhà nghiên cứu. Bức tượng được đặt ở lối vào khu trưng bày hình tượng rồng trong các đền đài, cung điện của Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII. Năm 2017, bức tượng một lần nữa được xuất hiện trong triển lãm 113 đồ thếp vàng châu Á và xác định nguồn gốc Việt Nam. Vậy dựa vào đâu, Bảo tàng Guimet đã xác định đây là bức tượng có nguồn gốc từ Việt Nam?

Mặc dù có nhiều điểm tương đồng, tuy nhiên, pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ tát ở Guimet mang nhiều điểm khác biệt với những pho tượng cùng thời đang được lưu giữ của Trung Quốc. Những pho tượng của Trung Quốc cho thấy

kỹ thuật tạo hình mềm mại hơn về cả tư thế của Bồ tát lẫn các nếp áo. Nhiều dấu hiệu cho thấy pho tượng này thuộc nghệ thuật Việt Nam ở giai đoạn muộn hơn. Ở Việt Nam, sơn mài được sản xuất tại địa phương và sơn lên các tượng gỗ thành các lớp với số lớp ít hơn và độ dày từng lớp lớn hơn so với Trung Quốc. Còn tại Trung Quốc, các lớp sơn được mài nhẵn mịn hơn trước khi sơn lớp tiếp theo để tránh rộp. Lớp sơn mài dày, sáng, bóng và trong suốt trên pho tượng này tương đồng với truyền thống của Việt Nam thế kỷ XVII-XIX hơn là truyền thống Trung Quốc thế kỷ IX-X (Baptiste 2015: 207). Ngoài ra, theo Bảo tàng Guimet, trong bộ sưu tập mà Gustave Dumoutier trao tặng cho năm 1889 còn có một bức tượng Bồ tát Quán Thế Âm (tám tay), Quán Thế Âm tọa sơn... cùng sở hữu nhiều nét tương đồng với những pho tượng ở chùa Pháp Vân (Bắc Ninh), chùa Mía (Hà Nội) mà dựa vào đó, chúng ta biết được rằng bộ sưu tập này tới từ Việt Nam (Baptiste 2001: 64-66).

Ảnh 4: Danh mục trưng bày của Bảo tàng Guimet có đề cập đến pho tượng



(Nguồn: Milloué 1897: 177-178)

Pho tượng này có nguồn gốc từ miền Bắc Việt Nam càng được củng cố khi bộ ảnh chụp các bộ sưu tập trong Bảo tàng Guimet vào những năm 1909 được đưa lên internet

bởi Thư viện Truyền thông Kiến trúc và Di sản. Trong đó, pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ tát được trưng bày bao gồm cả phần đế và phần thân tượng

trong một tủ kính (Ảnh 3). Năm 1897, Léon de Milloué giám tuyển của Bảo tàng Guimet giai đoạn 1878-1912 xuất bản cuốn sách *Petit guide illustré au Musée Guimet* (Hướng dẫn tham quan Bảo tàng Guimet) với hình minh họa đã giúp ta hiểu hơn về không gian trưng bày của pho tượng này. Trong cuốn sách, Milloué (1897: 177-178), cho biết pho tượng được trưng bày tại “Phòng trưng bày Đông Dương”, trong tủ kính số 9 “An Nam và Đàng Ngoài” có trưng bày “Quán Âm (Kouan-yin), thần hoặc nữ thần của lòng từ bi, nghìn tay; gỗ thếp vàng từ Hà Nội. Bốn bức tranh Đàng Ngoài về hai Bồ tát và hai vị thần Trung Hoa” (Ảnh 4). Như vậy, nguồn gốc của pho tượng được xác quyết là đến từ một di tích ở Hà Nội, miền Bắc Việt Nam.

3.2. *Gustave Dumoutier trao tặng cho Bảo tàng Guimet*

Tôi nhấn mạnh rằng, bức tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát hiện trưng bày ở Bảo tàng Guimet là một phần trong bộ sưu tập tượng thờ mà Gustave Dumoutier chuyển đến để thỏa mãn lòng hiếu kỳ của công chúng Paris trong Hội chợ triển lãm Quốc tế năm 1889 (Musée national des arts Asiatiques Guimet 2017: 6). Hiện nay, chúng ta có rất nhiều tư liệu cho thấy pho tượng này nằm trong bộ sưu tập 37 hiện vật mà Gustave Dumoutier (1850-1904), người lúc đó đang làm trợ lý văn hóa và phiên dịch cho Thống sứ Trung - Bắc Kỳ Paul Bert, đã trao tặng cho Bảo tàng Guimet vào cuối năm 1889 sau khi bế mạc Hội chợ triển lãm Quốc tế tại Paris⁵. Gustave Dumoutier cũng là người phụ trách kiểm kê, mô tả các công trình lịch sử của xứ Đàng Ngoài và nhờ đó ông có dịp tiếp cận được

những di tích đang bị đe dọa phải xóa bỏ do chính sách của chính quyền thuộc địa. Baptiste (2001: 58) cho biết thêm Dumoutier mong muốn “tái hiện toàn bộ đời sống của một ngôi chùa Phật giáo Bắc Kỳ” tại Hội chợ triển lãm Quốc tế, trong đó bài trí đầy đủ bộ tượng thờ để tăng đoàn có thể tiến hành các nghi lễ thờ phụng, thậm chí các nhà sư Việt Nam cũng xuất hiện tại sự kiện này... Lần đầu tiên, công chúng Paris được chiêm ngưỡng một nơi thờ cúng Phật giáo được phục dựng, ngôi chùa có cấu trúc chữ Đinh nằm bên cánh trái của Triển lãm thuộc địa, bao gồm một gian phòng mặt tiền 15m và rộng 7m, gian phía sau sâu 8m và rộng 6m. Việc chuẩn bị này rất chi tiết, các bức bích họa dùng để trang trí ngôi chùa từ trong ra ngoài (Monod 1890: 153). Bên trong ngôi chùa “các tấm toan vẽ được treo trong khung gỗ, mô tả địa ngục và các hình phạt tương tự như các bích họa “dã man” thời Trung cổ⁶. Ở mặt trước của bàn thờ, ta thấy những nghi lễ cầu nguyện, nhang đèn, những cây trầm hương đang cháy; trên những bậc cao hơn của bàn thờ có những pho tượng Phật mạ vàng được xếp theo thứ bậc khác nhau, những hình tượng Quán Thế Âm, vị Bồ tát của lòng khoan dung độ lượng và tượng A Nan Đà” (Vogue 1889: 458). Sự thật là ngôi chùa Phật giáo Bắc Kỳ giữa lòng Paris đã gây được tiếng vang lớn và thu hút rất nhiều du khách đến viếng thăm. Émile Étienne Guimet (1836-1918), người thành

⁵ Tháp Eiffel được xây dựng cho sự kiện này và khai mạc Hội chợ triển lãm Quốc tế cũng chính là dịp khánh thành tòa tháp này.

⁶ Đây là một chi tiết rất đáng lưu ý, bởi vì chùa Liên Trì, được biết tới là ngôi chùa trưng bày rất nhiều hoạt cảnh về Thập điện Diêm vương, khắc họa các hình phạt nghiêm khắc cho những kẻ có tội phải chịu ở thế giới bên kia. Người Pháp rất ấn tượng về những hoạt cảnh này ở chùa Liên Trì nên họ gọi chùa này là “chùa Khô Hình” và cái tên này xuất hiện trong rất nhiều xuất bản vào cuối thế kỷ XIX. Riotor, Léon và G. Leofanti (1895), còn dựa vào những hình vẽ ở chùa Liên Trì này để xuất bản một ấn phẩm nghiên cứu về các tầng địa ngục theo Phật giáo. Labarthe (1885: 102) cho rằng đây là những hoạt cảnh không thiếu sự khéo léo nhưng vượt qua trí tưởng tượng của chúng ta (người Pháp) về những bích họa đáng sợ nhất của các nghệ sĩ thời trung cổ.

lập Bảo tàng Guimet năm 1879 là người rất quan tâm đến bộ sưu tập tượng thờ này.

Nhờ sự gắn bó rất thân thiết giữa ông Émile Étienne Guimet và Gustave Dumoutier, trước Hội chợ triển lãm Quốc tế ít lâu, Gustave Dumoutier đã đồng ý nhượng lại bộ sưu tập của mình cho bảo tàng. Lá thư viết ngày 22 tháng 11 năm 1889 chính thức xác nhận: “Gửi ngài Giám đốc, Mong ngài nhận cho Bảo tàng các Tôn giáo bộ sưu tập tượng thờ và các đồ dùng cho nghi lễ Phật giáo, đã được trưng bày trong ngôi chùa xứ Đàng Ngoài ở quảng trường Invalides” (Baptiste 2001: 58 -59). Ấn phẩm kỷ niệm 25 năm thành lập Bảo tàng Guimet (1879-1904) đã được bảo tàng liệt kê gồm 37 hiện vật, trong đó có 5 pho tượng Quán Thế Âm bằng gỗ sơn son mà Gustave Dumoutier trao tặng, bao gồm (Musée Guimet 1904: 38-39)⁷: 13. Quan-âm Bak-te, autre forme de Çiva/Quán Âm Bách Tế, một dạng khác của thần Shiva; 14. Phat-Ba Quan-âm (Kouan-yin) dieu de la charit/Phật Bà Quán Âm từ bi; 20. Quan-âm (Kouan-yin) tenant un enfant/Quán Âm tống tử; 28. Quan-âm-toa So'n (Kouan-yin) avec l'enfant et le perroquet/Quán Âm tọa sơn với đứa trẻ và con vẹt; 31. Quan-âm/Quán Âm.

Tôi cũng đã kiểm đếm bộ sưu tập hiện vật được trao tặng cho Bảo tàng Guimet từ năm 1879 đến năm 1904 được đề cập trong cuốn sách *Petit guide illustré au Musée Guimet* (Hướng dẫn tham quan Bảo tàng Guimet) với hình minh họa, chỉ có Gustave Dumoutier là trao tặng tượng Quán Thế Âm bằng gỗ sơn son cho bảo tàng. Đồng thời, trước năm 1897, chỉ có Gustave Dumoutier trao tặng hiện vật có nguồn gốc từ miền Bắc Việt Nam cho bảo tàng nên những hiện vật được liệt kê trong công trình của Milloué (1897: 177-178) mà tôi đã trình bày ở phía trên chắc chắn nằm trong bộ sưu tập của

Gustave Dumoutier năm 1889. Do đó, chúng ta có thể tin tưởng rằng, pho tượng này là một phần trong bộ sưu tập tượng thờ ở miền Bắc Việt Nam mà Gustave Dumoutier đã trao tặng cho Bảo tàng Guimet năm 1889. Căn cứ vào những mô tả này, pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát mà bài viết đang đề cập có khả năng là một trong hai pho tượng có số thứ tự 14 và 31. Vậy pho tượng này đã được Gustave Dumoutier sưu tầm từ di tích nào?

3.3. Pho tượng từng được thờ phụng ở chùa Liên Trì

Baptiste (2015: 209) cho biết “nghi ngờ đã hoàn toàn được tháo gỡ và từ đây ta có thể quy tác phẩm điêu khắc này vào một tập hợp quan trọng các pho tượng được Gustave Dumoutier tặng cho Bảo tàng Guimet. Chúng ta có thể chứng minh những hoàn cảnh cho phép thành viên trong chính quyền thuộc địa này lưu giữ những tác phẩm điêu khắc, người mà đã từng bị đe dọa do phản đối việc phá hủy một ngôi chùa lớn ở Hà Nội, tuy việc phản đối không thành công, chùa Liên Trì (Liên Trì tự 蓮池寺) ở Đông Nam Hồ Hoàn Kiếm (湖還劍) mà đến nay chỉ còn lại một tháp gạch⁸ ở ven hồ” (Phụ lục 5). Ngoài hứng chịu sự phản đối của Gustave Dumoutier, việc phá hủy chùa Liên Trì để thực hiện xây dựng các công trình cho Cơ quan Hành chính công của chính quyền thực dân còn vấp phải sự phản đối kịch liệt của Auguste Henri Vildieu⁹. Cả hai đã đứng đầu phong trào phản đối này khi cả

⁸ Tháp Hòa Phong, hiện nay vẫn còn tồn tại, nằm bên bờ Hồ Hoàn Kiếm.

⁹ Auguste Henri Vildieu (1847-1926) là một kiến trúc sư người Pháp, ông rất quan tâm đến các công trình kiến trúc cổ truyền của Việt Nam. Vildieu được cho là đã khảo sát thực địa, đo vẽ lại bình đồ kiến trúc và mặt cắt của chùa Liên Trì, sau đó ông giao cho Viện Viễn đông Bác cổ. Hiện nay, những bản vẽ đó thất lạc, mất mát này là không thể cứu vãn được, giống như chính ngôi chùa bên hồ Hoàn Kiếm đã bị phá hủy (Baptiste 2001: 62).

⁷ Những con số sau dấu gạch đầu dòng là thứ tự được liệt kê trong bảng danh sách.

hai đều là thành viên của Ủy ban Cổ vật Bắc Kỳ (Commission des Antiquités du Tonkin) và Viện Hàn lâm Bắc Kỳ (Académie Tonkinoise), một chi nhánh của EFEO (Viện Viễn Đông Bác Cổ), đồng thời là những chuyên gia về kiến trúc, nghệ thuật và lịch

sử. Đây cũng là hai người tiêu biểu nhất của giới trí thức Pháp lúc bấy giờ mong muốn bảo tồn di sản văn hóa Thăng Long cổ xưa, tuy nhiên, rất tiếc chính quyền Pháp lúc bấy giờ không đồng ý, chùa Liên Trì vẫn bị hạ giải (Đào Quang Vinh 2010: 179).

Ảnh 5: Bảo tàng Guimet trình bày tóm lược thông tin về pho tượng



(Nguồn: Musée National des arts Asiatiques
- Guimet 2021)

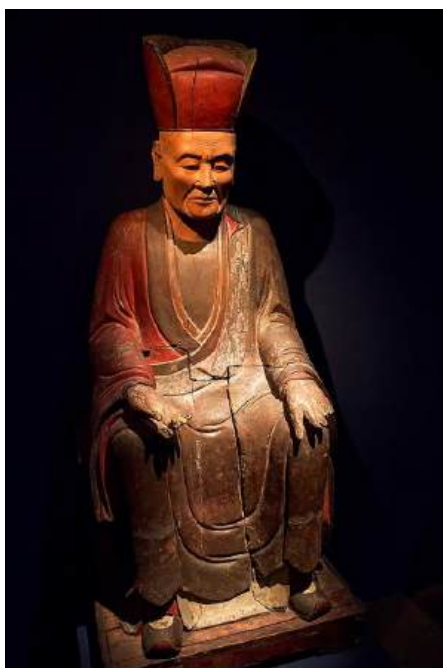
Dumoutier (1888: 19) đã nhắc đi nhắc lại một cách đơn độc về mất mát không thể vãn hồi này: “Ngôi chùa Phật giáo lớn tại Hà Nội, ngôi chùa ở kinh đô mà người ta gọi là chùa Tổng Đốc, là nơi rất nổi tiếng với những hình vẽ về địa ngục. Do đó, công trình tôn giáo này, một trong những công trình hoàn thiện nhất Bắc Kỳ, đã được gọi tên là chùa Khổ Hình. Tọa lạc chính giữa kinh đô, đối diện với chiếc hồ nhỏ, ngôi chùa này từ nhiều năm nay đã được chuyển thành cửa hàng quân nhu, nay không còn dấu tích đặc trưng nào, những hình khắc đã rơi rụng, những hàng hiên biến mất để phù

hợp với mục đích mới, mặt tiền và xung quanh đều bị hư hỏng nặng. Không ai trong số những ủy viên hội đồng thành phố Hà Nội lên tiếng do tin rằng công trình này gọi lại cho người An Nam những ký ức đau buồn”. Cũng chính trong bối cảnh này, ông Gustave Dumoutier đã đưa pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát về Pháp và trưng bày trong chuyên đề Chùa Bắc Kỳ (Pagode Tonkinoise) ở Hội chợ triển lãm Quốc tế năm 1889 tại Paris. Dupaigne (2001: 136) cho biết, ngày 29 tháng 7 năm 1887, Gustave Dumoutier gửi một kiện hàng từ Hà Nội tới Quảng trường Trocadero, gần

Quảng trường Invalides nơi diễn ra Hội trợ triển lãm Quốc tế năm 1889 và có lẽ được chuyển đến Bảo tàng Guimet để lưu giữ trước khi trưng bày. Chúng ta có lý do để nghi ngờ, những pho tượng Phật chùa Liên Trì nằm trong kiện hàng này, vì vậy, khả

năng pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ tát này được Gustave Dumoutier thu thập trong khoảng năm 1886, năm chùa Liên Trì bị phá bỏ và trước ngày 29 tháng 7 năm 1887.

Ảnh 6: *Hòa thượng Phúc Điền*



(Nguồn: Bảo tàng Guimet)

Theo truyền thống của ngôi chùa Việt luôn trưng bày tượng thờ của các cụ tổ từng trụ trì chùa nên tại trưng bày “Chùa Bắc Kỳ” tại Hội chợ triển lãm Quốc tế Paris năm 1889, cũng có trưng bày một pho tượng của một tu sĩ gắn liền với việc lập ra ngôi chùa (Baptiste 2001: 62). Trong bộ sưu tập 37 hiện vật mà Gustave Dumoutier gửi tặng Bảo tàng Guimet có liệt kê một pho tượng “Thiền sư An Thiên” (Musée Guimet 1904: 39). Trong lá thư ngày 22 tháng 11 năm 1889, Gustave Dumoutier có đề cập về số 20 trong danh sách các tác phẩm được quyên tặng: “Tượng tăng sĩ cuối cùng của chùa Khổ Hình, Hà Nội”. Hình ảnh này đã được Gustave Dumoutier công bố với đúng tên

của nó: “Tượng An Thuyền, tổ sáng lập chùa Khổ Hình” (Dumoutier 1913: 447).

Sa môn An Thiên¹⁰ (1784-1863) được đề cập ở đây trong bia *Trùng hưng Liên Phái tự*

¹⁰ Mặc dù Sa môn An Thiên là người khai hóa, trùng tu tôn tạo nhiều ngôi chùa và xuất bản nhiều kinh sách Phật giáo nhưng trong suốt một thời gian dài tồn tại nhiều nhầm lẫn về tên gọi, hoàn cảnh xuất thân và quá trình tu tập của Ngài như: Sa môn An Thiên và Hòa thượng Phúc Điền là hai người khác nhau; Sa môn An Thiên là học trò của Hòa thượng Phúc Điền; Sa môn An Thiên là bút danh của Đại thần Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai. Tuy nhiên, những nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng Sa môn An Thiên và Hòa thượng Phúc Điền là một người. Để có thể hiểu hơn về Sa môn An Thiên, bạn đọc có thể tìm hiểu thêm Thích Minh Tâm (1998: 560-563); Thích Minh Tín (2008: 48-55); Trần Trọng Dương (2012: 14-20); Nguyễn Duy Phương (2016: 102-104); Nguyễn Tuấn Cường (2016: 8-12).

ly trần viện biệt chí chính là Hòa thượng Phúc Điền, tổ thứ 7 chùa Liên Phái (Ủy ban Khoa học Xã hội 1978: 72-74), một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế, uyên thâm Phật pháp từng được nhà Nguyễn ban giới đao và độ điệp. Ông biên soạn và để lại cho hậu thế một lượng tác phẩm Phật giáo đồ sộ mà hiếm có tác gia văn học Phật giáo triều Nguyễn nào so sánh được (Ảnh 6). Sách *Nghiên cứu Thiền Uyển Tập Anh* tái bản có bổ sung của Lê Mạnh Thát (2021: 51) khẳng định: “Hòa thượng Phúc Điền là đạo hiệu của An Thiền, vị sư trụ trì chùa Đại Giác ở Bồ Sơn, Bắc Ninh. Ông là một dịch giả quốc âm lớn, cũng như nhà nghiên cứu có tiếng tăm của thế kỷ XIX”. Tượng thiền sư An Thiền chỉ có thể đến từ ngôi chùa Liên Trì - ngôi chùa có mối liên hệ chặt chẽ với Gustave Dumoutier mà tác giả đã trình bày ở trên. Thiền sư An Thiền đã khai hóa và trùng tu tôn tạo nhiều ngôi chùa trên đất Bắc như chùa Đại Giác (Bắc Ninh, năm 1840), chùa Phú Nhi (Hà Nội, năm 1843), chùa Báo Thiên (Hà Nội, năm 1847), chùa Liên Phái (Hà Nội, năm 1852), v.v., trong đó có ngôi chùa Liên Trì (Bản đồ 1). Hòa thượng rất lưu tâm trong việc in ấn kinh sách nên ông cũng dùng chính chùa Liên Trì làm cơ sở in ấn kinh sách. Hiện nay, trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm ở Hà Nội còn lưu giữ nhiều ván kinh khắc lấy từ chùa Liên Phái nhưng số ván khắc này vốn có nguồn gốc từ chùa Liên Trì, sau khi chùa Liên Trì bị phá bỏ đã chuyển về chùa này. Thư viện chùa Quán Sứ có lưu giữ cuốn *Phật Tổ thống kỷ*, ký hiệu HT180 có đề rằng “Hà Nội tỉnh Liên Trì tự Lâm Tế phái Sa môn An Thiền Độ điệp Phúc Điền Hòa thượng” (Thích Minh Tín 2008), cho thấy, hoạt động khắc in kinh sách từng rất được chú trọng ở chùa Liên Trì. Để tưởng nhớ công lao của thiền sư, tượng của ông có thể đã được tạo tác và thờ phụng tại chùa Liên Trì và pho tượng này nằm trong bộ sưu tập

của Dumoutier mang sang Pháp trưng bày tại Hội nghị triển lãm Quốc tế năm 1889.

Chúng ta cũng có thêm dẫn chứng về mối liên hệ giữa bộ sưu tập của Gustave Dumoutier với ngôi chùa Liên Trì dựa trên pho tượng được trưng bày cùng với pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát ở Bảo tàng Guimet - pho tượng Bồ tát Quán Thế Âm tám tay. Khi viếng thăm ngôi chùa Liên Trì vào ngày 24 tháng 12 năm 1882, Duboc (1899: 48-51) mô tả chi tiết về pho tượng Bồ tát Quán Thế Âm với “đầu của một người phụ nữ và tám cánh tay” và câu chuyện vị Bồ tát này đã hiến đôi mắt và thân thể mình để cứu rỗi vua cha của mình và trở thành Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát như thế nào. Sự tương đồng về kích thước của ba pho tượng Quán Thế Âm hiện đang trưng bày ở Bảo tàng Guimet củng cố thêm luận điểm bộ sưu tập tượng thờ của Gustave Dumoutier tặng cho bảo tàng được thu thập từ ngôi chùa Liên Trì. Vì nghệ thuật tạo tác độc đáo, nhiều tượng thờ của chùa Liên Trì được nhiều người Pháp sống ở Hà Nội lúc bấy giờ thu thập và đưa về Pháp¹¹. Hiện nay, nhiều hiện vật của chùa Liên Trì còn được các bảo tàng lớn trên thế giới như tại Bảo tàng Nghệ thuật và Lịch sử Rochefort thuộc khuôn viên của Bảo tàng Hébre, Pháp lưu giữ một chuông chùa lấy từ năm 1884 (Musée de Rochefort 1905: 75). Ngoài ra, năm 1944, Bảo tàng Con người (Musée de l'Homme) còn mua được 35 hiện vật trong bộ sưu tập của Gustave Dumoutier thu thập trong khoảng năm 1886-1890, ở các

¹¹ Achille Silvestre trong một bức thư gửi cho Claude Bourrin cho biết: “Thưa Ngài, cuốn sách của Ngài đã cung cấp cho tôi một chỉ dẫn quý báu về nguồn gốc của một vị Phật bằng gỗ sơn mài và mạ vàng lớn do cha tôi mang về từ Bắc Kỳ mà tôi vẫn sở hữu. Tôi nhớ rằng nó đến từ một ngôi chùa đã bị phá bỏ được gọi là “Chùa Trăm tượng Phật” và quả thật có cả trăm bức tượng bằng gỗ được tạc theo cùng một mô hình. Đó chính là chùa Liên Trì, còn được gọi là chùa Khổ Hình” (Bourrin 1941: 14).

di tích quanh Hà Nội (Dupaigne 2001: 135-136, 145).

4. Pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát chùa Liên Trì trong lịch sử nghệ thuật Phật giáo Việt Nam

4.1. Đặc điểm nghệ thuật tạo hình nổi bật

Phần bệ (chất liệu gỗ, phủ sơn son) có kết cấu hình thang, dẹt khối. Chân đế có cạnh hình lục giác, chạm nổi xung quanh là các dải mây cách điệu. Phần thất lại của cạnh đế nở ra một tòa sen có bố cục hình tròn thể hiện hai lớp cánh, mỗi lớp 08 cánh (lòng mỗi cánh sen chạm nổi tiếp các diềm nổi kiểu cánh sen kép). Một chi tiết đáng chú ý của phần đế là mặt diện phía trước có gắn đầu một linh thú kích thước khá nhỏ (sẫm màu) (Ảnh 7). Trong những năm gần đây, pho tượng trưng bày mà không có phần bệ.

Toàn thân tượng trong tư thế đứng, y phục dài phủ kín xuống đôi chân trần, hai chân có đeo chuỗi dây ngọc (chuỗi anh lạc) (Ảnh 8). Tượng thể hiện có ba khuôn mặt, khuôn mặt chính giữa lớn hơn cả và khuôn mặt hai bên có xu hướng nhỏ hơn. Tượng đội một mũ niệm hình mây cách điệu có đính các viên bảo châu. Phía bên trên đầu có búi tóc nổi cao hình chóp, xung quanh vành mũ miện có năm vị Phật đang tọa thiền định, trong đó vị Phật trung tâm có kích thước lớn hơn tọa trên một tòa sen có hai lớp cánh (bị vỡ phần đầu). Năm vị Phật trên mũ miện của pho tượng có thể là Ngũ trí Như Lai (Five Tathāgatas). Trong Phật giáo Bắc truyền và Phật giáo Mật tông thường tôn kính Ngũ trí Như Lai, nghĩa là năm vị Phật hiện thân của năm dạng trí tuệ khác nhau, mỗi vị Phật sẽ

có một con đường để đi tới cảnh giới Niết Bàn¹². Nếu đủ cơ duyên và nguyện lực thì khi chúng ta mong muốn nương theo pháp tu hành của vị Phật nào thì sẽ được vắng sanh về thế giới đó. Có sự khác biệt giữa Kim Cương giới Mạn đà la và Thai Tạng giới Mạn đà la về tên gọi của Ngũ trí Như Lai. Theo thời gian, sự sắp xếp của Kim Cương giới Mạn đà la trở thành tiêu chuẩn và phổ biến hơn (từ phải sang trái), bao gồm: Bảo Sanh Như Lai (Ratnasambhava), Phật A Di Đà (Amitabha), Phật Tỳ Lô Giá Na (Vairocana), Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amoghasiddhi) và A Súc Bệ Như Lai (Akshobhya). Vị Phật trung tâm của Ngũ trí Như Lai chính là Phật Tỳ Lô Giá Na nên có thể vị Phật lớn nhất, ngồi trên tòa sen hai lớp cánh và đã bị vỡ phần đầu chính là thể hiện vị Phật này, vị Phật quan trọng nhất trong Phật giáo Mật tông.

¹² Ngũ trí Như Lai còn được gọi là Ngũ Phật, Ngũ trí Phật, Ngũ phương Phật, Ngũ Thiên Định Phật. Lúc đầu, việc thờ phụng Ngũ trí Như Lai xuất phát từ Phật giáo Mật tông, sau đó, việc thờ phụng này ảnh hưởng sang Phật giáo Bắc Tông ở Trung Quốc. Trong nhiều ngôi chùa ở Trung Quốc có tôn trí những pho tượng này và Ngũ trí Như Lai thường xuyên được thỉnh cầu trong các nghi lễ Phật giáo (Hong 2007). Không phải ngay từ lúc đầu đã có năm vị Phật mà chỉ có ba vị Phật được tôn thờ, sau đó Kinh Tattvasaṃgraha có đề cập tới bốn vị Phật tượng trưng cho bốn cõi giới. Yoritomi gợi ý rằng Kinh Vajrasekhara được coi là kinh điển Phật giáo đầu tiên đề cập đến Kim cương giới Mạn đà la đầy đủ Ngũ trí Như Lai (dẫn theo Williams and Tribe 2002: 209-210). Kinh Vajrasekhara là một Kinh rất quan trọng đối với sự phát triển của truyền thống Mật tông Kim cương thừa ở Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Quốc, Nhật Bản. Bộ Kinh này được Bất Không Kim Cương (Amoghavajra) (705-774) dịch sang chữ Hán vào giữa triều đại nhà Đường.

Ảnh 7: Bộ tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát



(Nguồn: Bảo tàng Guimet)

Ba khuôn mặt của bức tượng tròn đầy, mang sắc tướng nữ và đôi tai lớn chảy xuống, một bên có đeo khuyên tròn, bên còn lại đã bị vỡ. Mắt tượng nhỏ hơi nhìn xuống như đang suy tư, chìm lắng. Mũi tượng thanh tú hiện lên nét hiền từ, gần gũi, từ bi mà trang nghiêm. Trong ba khuôn mặt thì khuôn mặt ở hướng chính diện có dấu vết mờ nhạt của con mắt thứ ba, con mắt này đã bị lớp sơn son thếp vàng phủ lên bên trên. Cổ tượng có ngắn, xung quanh cổ có những chuỗi hạt là trang sức thường thấy của đức Bồ tát Quán Thế Âm, biểu tượng của sự giàu có về mặt tinh thần, từ bi và trí tuệ. Bức tượng có ba lớp tay: lớp thứ nhất gồm 06 cánh tay lớn đặt phía trước; lớp thứ hai có 38 cánh tay lớn; lớp thứ ba là hàng trăm cánh tay nhỏ xếp theo hình quạt, khoảng dày nhất gồm 6 lớp tay. Ở lớp thứ nhất, đôi tay chính với năm ngón tay thẳng hàng chắp trước ngực, lòng bàn tay chắp lại với nhau,

thể hiện liên hoa hợp chưởng thủ ấn, ấn cầu nguyện (Namaskara Mudra)¹³. Ấn này là biểu tượng của sự hợp nhất giữa lòng từ bi vô lượng, trí tuệ của Bồ tát luôn chào đón chúng sinh với sự tôn trọng, thành tâm. Liên hoa hợp chưởng thủ ấn phổ biến trên các bức tượng gần lối ra vào của các ngôi chùa. Hai tay ở dưới kết Thiền định ấn (Dhyana Mudra hay còn gọi là Samadhi Mudra), ấn của sự giác ngộ với lòng bàn tay hướng lên trên, tay trái để dưới tay phải, hai ngón cái khế chạm vào nhau. Đôi tay còn lại với cánh tay giơ lên trên đang thể hiện lìa xa ác nghiệp ấn, nhằm trục xuất và đẩy lùi ma quỷ (Karana Mudra).

Ở lớp thứ hai, gồm 38 cánh tay, mỗi bên vai có 19 cánh tay lớn thon dài, tỏa ra như hình quạt, trang trí trang sức ở bắp tay và cổ

¹³ Namaskara Mudra rất dễ nhầm lẫn với Anjali mudra. Mặt sau của các ngón tay cái ở Anjali mudra đối diện với ngực và vuông góc với các ngón khác, trong khi các ngón cái ở Namaskara mudra thẳng hàng với các ngón khác.

tay. Nhiều bàn tay, ngón tay bị vỡ, bị hủy hoại nhiều; các ngón tay mềm mại không rõ thủ ấn hay cầm khí tượng nào không?, tuy vậy, con mắt trong lòng bàn tay còn thấy rõ. Mỗi cánh tay của Bồ tát Quán Thế Âm tượng trưng cho phương tiện cứu giúp loài người, trong mỗi lòng bàn tay lại có một con mắt tượng trưng cho trí tuệ có thể nhìn rõ

khắp chốn nổi khổ của chúng sinh để cứu giúp. Phía sau dãy cánh tay lớn (lớp thứ nhất, lớp thứ hai) là hàng cánh tay nhỏ hơn. Những cánh tay nhỏ này được xếp thành vòng tròn đồng tâm, giống như pháp luân/bánh xe Phật pháp tạo thành vòng hào vây quanh bức tượng, đại diện cho bài giảng đầu tiên của Đức Phật tại vườn Lộc Uyển.

Ảnh 8: Thân tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát



(Nguồn: Bảo tàng Guimet)

4.2. Khảo cứu về niên đại của pho tượng

Về niên đại của bức tượng, Bảo tàng Guimet cho rằng tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát có một khung niên đại khá dài từ thế kỷ XVIII-XIX, được làm dưới thời Hậu Lê hoặc Nguyễn. Gần đây, các chuyên gia nhận thấy rằng tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát này rất giống tượng Quán Thế Âm chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) về cách xử lý vân gỗ, sơn son phết vàng, phục trang và bố trí những cánh tay (Baptiste 2015: 208-209). Đây cũng là tiêu chí để xác định tượng có nguồn

gốc và thuộc truyền thống tượng cổ miền Bắc Việt Nam. Nếu có sự khác biệt giữa hai bức tượng thì là ở tiểu tiết: vành đầu tiên của tượng Guimet có năm vị Phật ngồi thiền định, nhưng tượng Bút Tháp chỉ có một vị Phật A Di Đà; nếu ở Bút Tháp có 11 đầu thì tượng ở Guimet chỉ có ba đầu. Theo tôi, pho tượng nhiều khả năng được tạo tác trong khoảng thời gian 1842-1846, cũng là khoảng thời gian xây dựng chùa Liên Trì. Trước khi Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai phát tâm bỏ đê đê Hòa thượng Phúc Điền xây dựng chùa Liên Trì, khu vực này đã trở nên hoang tàn “đến cuối Lê, Tây Sơn ra phủ Lê diệt Trịnh,

rồi Trịnh bị Lê trả thù, hai bên đánh nhau đốt đi đốt lại mấy lần, sạch trơn cả” (Chu Thiên 1985: 18). Nghĩa là, tại khu vực này không có dấu vết của một ngôi chùa được xây dựng trước đó, nên khả năng chùa Liên Trì “tận dụng” tượng thờ của một chùa cổ nào đó trước đây ở khu vực này là khó xảy ra.

Theo ghi chép của người Pháp về các tượng thờ ở chùa Liên Trì cho thấy, nhiều pho tượng có lớp sơn son thếp vàng dày: “Trong một gian phòng lớn, giữa các cột sơn son thếp vàng là hơn hai trăm bức tượng Phật, Bồ tát và A La Hán trong tín ngưỡng Phật giáo được bài trí ngay ngắn. Chính giữa bàn thờ chánh điện, tại vị trí trang trọng nhất là tượng Phật Thích Ca, cao một mét rưỡi và thếp vàng từ đầu xuống chân” (Hocquard 1892: 167); hay trong một mô tả khác “Tượng bằng gỗ phủ một lớp sơn màu hay quang thếp khá dày... Vì lớp sơn phết bên ngoài quá dày nên những nét đục chạm sắc bén trở nên tròn nhẵn, những đường rãnh sâu trũng bị lấp bằng, xóa mất các nét gân guốc, sắc cạnh của lưỡi dao nhà điêu khắc” (Bourde 1885 dẫn theo Nguyễn Thị Chân

Quỳnh 2005). Thậm chí những bức tượng chùa Liên Trì trong miêu tả của người Pháp cũng có kỹ thuật phủ sơn son thếp vàng một lớp dày, tạo nên đặc trưng điển hình của tượng thờ trong ngôi chùa lớn của Hà Nội lúc bấy giờ.

Bức tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát trưng bày ở Bảo tàng Guimet cũng được phủ một lớp sơn son thếp vàng dày, kể cả các góc khuất của tượng nên rất nổi bật trong không gian trưng bày của bảo tàng. Thậm chí, vì lớp sơn son thếp vàng dày này mà con mắt thứ ba trên trán của tượng Bồ tát Quán Thế Âm chùa Liên Trì chỉ để lại dấu vết mờ nhạt, phải để ý kỹ chúng ta mới thấy (Ảnh 9). Cũng chính vì lớp sơn son thếp vàng này đã góp phần bảo quản hiện trạng của tượng là tương đối tốt, cho dù tượng đã bị lãng quên trong kho của bảo tàng và không được trùng tu trong suốt thời gian dài. Đặc trưng của pho tượng này là tương đồng với những ghi chép về bộ sưu tập tượng thờ trong chùa Liên Trì, cho nên tôi cho rằng, chúng được sản xuất trong cùng một khoảng thời gian và có thể cùng bởi một kíp thợ.

Ảnh 9: Chi tiết đầu pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát chùa Liên Trì.



(Nguồn: Bảo tàng Guimet)

4.3. Tên gọi, ý nghĩa của biểu tượng

Pho tượng trưng bày ở Bảo tàng Guimet có đủ nghìn tay, trên mỗi lòng bàn tay lại có một con mắt¹⁴. Những đặc điểm trong nghệ thuật tạo hình của bức tượng này cho thấy đây là hình tượng của Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát, tiếng Phạn là Sahasrabhuja Sahasranetra (Phụ lục 10). Vị Bồ tát này còn có nhiều tên gọi khác, như Thiên Tỷ Quán Thế Âm, Thiên Quang Quán

Âm Tự Tại, gọi đủ là Thiên Nhân Thiên Thủ Thiên Thiết Thiên Túc Thiên Tỷ Quán Tự Tại (Quán tự tại ngàn mắt, ngàn đầu, ngàn lưỡi, ngàn chân, ngàn tay), mật hiệu là Đại bi kim cương (Hậu Đăng Đại Dụng 2021: 195-196). Những nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, hình tượng này chịu ảnh hưởng của Mật giáo và được biết tới ở Ấn Độ và Trung Quốc sớm, vào khoảng thế kỷ thứ VI (Hậu Đăng Đại Dụng 2021: 204).

Ảnh 10: Toàn cảnh pho tượng thờ cùng với bệ tượng



(Nguồn: Bảo tàng Guimet)

“Thiên Thủ” (nghìn tay) tượng trưng cho Quán Thế Âm Bồ tát đại từ đại bi có

¹⁴ Nghìn tay nghìn mắt ở đây không phải là con số chính xác tuyệt đối, có thể là nhiều hơn hoặc ít hơn một chút. Chúng ta nên bỏ qua cái niên luật chặt chẽ “nghìn tay, nghìn mắt” mặc dù có nhiều tượng chỉ vài trăm tay như ở chùa Đa Tốn, Hà Nội (610 tay), thậm chí có tượng chỉ có từ 32 đến 40 tay như chùa Hạ, Vĩnh Phúc. “Nghìn tay, nghìn mắt” đã trở thành sự ước lệ và tiêu chuẩn đối với

pháp lực vô lượng quảng đại giúp đỡ chúng sinh thoát khỏi biển khổ, có thể phù hộ tất cả chúng sinh. “Thiên nhân” (nghìn mắt) tượng trưng cho Quán Thế Âm có thể nhìn khắp thế gian, cho trí tuệ viên mãn vô lượng của ngài có thể tùy theo những tình huống biến

các nhà điêu khắc tượng Phật Việt Nam (Phạm Như Hồ và Nguyễn Mạnh Cường 1983: 47).

hóa và những đối tượng được cứu độ khác nhau, không có bất kỳ trở ngại nào có thể ngăn được Quán Thế Âm cứu giúp chúng sinh (Mạc Chấn Lương 2009: 119-120). Với một nghìn con mắt trông khắp ba cõi, nơi nào có chúng sinh gặp khổ nạn, Ngài sẽ ứng hiện và dang một nghìn cánh tay từ bi ra để cứu giúp tức thì (Nguyễn Quốc Tuấn 2012: 143; Hậu Đăng Đại Dụng 2021: 196). Ngoài ra, *Đại Bi Tâm Đà La Ni kinh* có chép lại, những ai thành kính tín thờ Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát, đồng thời chăm chỉ tu hành thì có thể thoát khỏi 15 loại ác tử như chết trong đói rét, chết và bị ác thú ăn thịt, v.v. và có được 15 loại thiện sinh như giàu có sung túc, gia đình hòa thuận. Ngoài ra, cũng có những loại pháp lực chữa trị các loại bệnh tật, rắn rết¹⁵ (Mạc Chấn Lương 2009: 124-125; Thích Minh Cảnh 2016: 5497-5498).

Tên của ngài còn xuất hiện trong nhiều kinh điển Mật giáo khác như Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát quảng đại viên mãn vô ngại Đại bi tâm Đà la ni kinh, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát Đại bi tâm Đà la ni kinh, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát Mẫu Đà la ni Thân kinh, Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ tát Đà La Ni thần chú kinh, Thiên Quang Nhân Quán Tự tại Bồ tát bí mật pháp kinh (Thích Minh Cảnh 2016: 5496), v.v. Dựa vào Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ tát bí mật pháp kinh cho biết Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm có đầy đủ nghìn tay, nghìn mắt cũng như thể là bậc phụ mẫu của thế gian; “nghìn tay” là khái niệm để hiển thị bốn mươi hai tay (hoặc bốn mươi tay), mỗi cánh tay đều tế độ cho 25 loại chúng sinh vẫn còn khốn trong vòng “hữu

tình”, hợp lại là nghìn tay nghìn mắt (40x25=1.000) (Mạc Chấn Lương 2009: 124; Hậu Đăng Đại Dụng 2021: 198). Do đó, đôi khi người ta cho rằng, không nhất thiết hình tượng của Bồ tát Quán Thế Âm phải có một nghìn tay, nhưng phải có đủ bốn mươi hai tay (hoặc bốn mươi tay) (Thích Minh Cảnh 2016: 5497), biểu hiện tấm lòng Đại bi của Bồ tát Quán Thế Âm rộng lớn sâu tựa biển cả:

“Trên thân của Bồ tát,
Đầy đủ bốn mươi tay.
Trong mỗi lòng bàn tay,
Có một mắt tình thương.
Tùy theo loài chúng sinh,
Cầm vô số vật báu.
Trụ trên đài hoa sen,
Phóng hào quang sạch lớn”.

(*Thiên quang nhân Quán tự tại Bồ tát bí mật pháp kinh* dẫn theo Hậu Đăng Đại Dụng 2021: 199)¹⁶.

Hiện nay, nhiều cánh tay của bức tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát trưng bày ở Bảo tàng Guimet không còn biểu thị các khí tượng, thủ ấn. Dựa trên *Đại Bi Tâm Đà La Ni kinh* và các kinh sách Mật giáo chúng ta có thể phỏng đoán về những khí tượng và thủ ấn này. Kinh này cho biết bốn mươi tay của Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát thể hiện: thí vô úy,

¹⁵ Trong Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát Trị bệnh hợp dược kinh, Thiên Nhân Thiên Tý Quán thế âm Bồ tát trị bệnh hợp dược kinh...vv, cũng có nhiều ghi chép về các pháp tu tập để tránh khỏi bệnh tật, tai ách khi thờ phụng vị Bồ tát này (Hậu Đăng Đại Dụng 2021: 212).

¹⁶ Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát quảng đại viên mãn vô ngại Đại bi tâm Đà la ni kinh cũng đề cập đến hình tượng bốn mươi cánh tay của Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm: “Bồ tát phát nguyện vì lợi ích chúng sinh nên biến hiện nghìn mắt nghìn tay. Hai mắt hai tay buông xuống, mỗi bên trái phải có 20 tay, trong mỗi tay có một con mắt, các mắt là nhằm vào 25 hữu, thành ra nghìn tay nghìn mắt. Ngoài ra còn có cách tạo hình ngàn tay mỗi bàn tay có một con mắt, đầu đội khăn báu, trên có hóa Phật. Tay ở tượng có 18 tay, trước là 2 tay chắp lại, 14 tay khác đều có cầm pháp khí như: Chùy kim cương, kích, phạm giáp, bảo ấn, cành sen, dây sợi, nhánh dương” (dẫn theo Trịnh Thị Dung 2010: 40).

nguyệt tinh ma ni, nhật tinh ma ni, cung báu, mũi tên báu, bát báu, nhành dương chi, bàn trái trắng, bình báu, mây ngũ sắc, búa lớn, tích trượng, đầu lâu báu, chuỗi báu, kiếm báu, chày kim cương, cần câu sắt, trượng sắt, sen trắng, sen xanh, sen tím, sen hồng, gương báu, ấn báu, đỉnh đầu có hóa thân Phật, hiệp chuông, rương báu, kích báu, ốc báu, bảo chân như ý, hàn sách, bát báu, khuyên báu, mõ báu, lưới bạt chiết, hóa Phật, hóa cung điện, kinh báu, kim luân bát thoải chuyển, v.v. (Thích Minh Cảnh 2016: 5497; Lý Lợi An 2021: 244; Hậu Đăng Đại Dụng 2021: 200). Đây là cơ sở để chúng ta có thể hiểu được những khí tượng và thủ ấn từng có trên pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm trước đây.

Nguyễn Duy Hình (2007: 231) cho biết, không phải Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm nào cũng là Mật giáo hay Mật tông, kể cả các tượng thờ tại Trung Quốc. Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát còn xuất hiện trong các kinh điển của Phật giáo Bắc tông. Trong *Lăng Nghiêm kinh* của Phật giáo Bắc tông cũng mô tả Quán Thế Âm Bồ tát trong hình tượng nghìn tay nghìn mắt. Quán Thế Âm dự pháp hội mà ở đó các đệ tử đang tự giới thiệu phương pháp tu chứng của mình với Phật. Quán Thế Âm Bồ tát liền từ chỗ ngồi dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Từ vô số hằng sa kiếp trước có Đức Phật ra đời, hiệu là Quán Thế Âm; con phát tâm Bồ đề nơi Phật ấy. Đức Phật dạy con tu... nên con có thể hiện ra rất nhiều hình dung nhiệm mầu, nói ra vô số thần chú bí mật. Trong đó, hoặc hiện ra một đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, như thế cho đến 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu, 84.000 cái đầu, đầy đủ các tướng; hoặc hiện ra 2 tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14, 16, 18, 20, 24, như thế cho đến 108 tay, 1.000 tay, 10.000 tay, 84.000 cái tay bất ổn; hoặc hiện ra 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, như thế cho đến 108 mắt, 1.000 mắt, 10.000 mắt, 84.000

con mắt báu thanh tịnh; tùy nghi thị hiện hoặc khi thì từ ái, hiền minh hoặc khi thì oai nghiêm, phần nộ hoặc khi thì định, hoặc khi thì tuệ, cứu giúp chúng sinh được rất tự tại (Hạnh Cơ 2012: 91, 95-96). Nguyễn Duy Hình (2007: 630) cho rằng *Lăng Nghiêm kinh* công hiến riêng biệt đặc hữu hình tượng nhiều tay nhiều mắt nhiều đầu của Bà La Môn giáo¹⁷, phát triển mới và cuối cùng về tiểu tượng Quán Thế Âm chuyển từ phàm tướng sang thần tướng tạo dựng lên hình tượng Quán Thế Âm nghìn tay nghìn mắt giàu tính nghệ thuật nhất trong tiểu tượng Phật giáo. Nguyễn Duy Hình cũng cho biết thêm, tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát ở Việt Nam thuộc thần tướng mang nội hàm tịnh độ - Mật giáo chứ không phải là riêng của Mật giáo.

Đoàn Thị Mỹ Hương (2010: 12) cũng đồng quan điểm này và cho biết hiện tượng thờ cúng Quán Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhân ở Việt Nam là sự dung hòa giữa các tông phái: Tịnh Độ và Mật giáo. Hà Văn Tấn thì lại cho rằng sự xuất hiện của một loạt các tượng Quán Thế Âm trong những ngôi cổ tự Việt cho thấy “Thiền giáo chịu ảnh hưởng của Mật giáo là đặc trưng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam” (Hà Văn Tấn 1965: 48). Hình tượng này ban đầu xuất hiện trong *Lăng Nghiêm kinh* của Phật giáo Bắc tông, *Kinh Bắc tông* chứ không phải *Kinh Mật giáo* cho nên không có gì Mật giáo hay Mật tông cả. Chỉ sau năm 720 xuất hiện Mật

¹⁷ Chúng tôi dùng từ Bà La Môn giáo (Brahmanism) để chỉ một trong những tôn giáo chính đã được thực hành trong lịch sử Ấn Độ. Chúng tôi tránh dùng từ Hindu giáo hay Ấn Độ giáo. Bởi vì, bản chất từ “Hindu” mới chỉ xuất hiện từ thế kỷ XIX khi người Anh xâm chiếm Ấn Độ, bắt nguồn từ cách người Persian (người Ba Tư) dùng để chỉ toàn thể người Ấn Độ mà không theo Hồi giáo, Kỳ Na giáo (Jains), Hỏa giáo (Parsis), hoặc Thiên Chúa giáo. Hay đây là cách người Hồi giáo dùng để gọi người phía Nam Ấn Độ không theo đạo Hồi. Chỉ sau này thuật ngữ Hindu giáo mới được người Ấn Độ dùng để chỉ tôn giáo của họ (Nguyễn Hữu Mạnh và Mai Bùi Diệu Linh 2019: 709).

tông ở Trung Quốc thì pho tượng thần tướng này được tôn thờ thành thần linh Mật tông và Mật tông đưa ra một cách lý giải về tượng này. Chính vì vậy khi nghiên cứu tượng Quán Thế Âm loại này khó lòng xác định một cách chắc chắn đó là Quán Thế Âm của Phật giáo Bắc tông hay của Mật giáo (Nguyễn Duy Hình 2007: 635). Bức tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát ở Bảo tàng Guimet được điêu khắc một cách chân thực hình tướng của Ngài trong những kinh điển Mật giáo khi toàn thân có màu hoàng kim, đội mũ niệm có Ngũ trí Như Lai, mặt chính giữa có ba mắt, có đủ nghìn tay nghìn mắt, trong nghìn cánh tay có bốn mươi hai tay cầm khí tượng hoặc bắt ấn, còn lại không cầm khí cụ. Tuy nhiên, chúng ta không nên “cực đoan hóa ảnh hưởng Mật giáo, Tịnh Độ tông hay Thiên giáo” trên pho tượng này. Tôi cho rằng, mặc dù mang hình tướng của Mật giáo thì pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát ở Bảo tàng Guimet luôn thể hiện “tâm thức” của người Việt, đó là sự hỗn dung, dung hòa trong đời sống tôn giáo nặng về thiền định, ý niệm về cứu độ chúng sinh, mong được giải thoát về cõi Niết Bàn mà pho tượng hàm chứa ý nghĩa cũng nhằm thể hiện tư tưởng của Tịnh Độ, mong được về với cõi Tây phương cực lạc.

5. Cổ tích đất Hà thành xưa - Chùa Liên Trì

Vị trí tọa lạc của chùa Liên Trì trước đây đã từng có một số nhà nghiên cứu đặt câu hỏi. Ở Hà Nội có một ngôi chùa có tên là Liên Trì, thuộc xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai. Tuy nhiên, đây là một ngôi chùa chỉ mới được xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ XX. Tra cứu thêm từ các nguồn sử liệu thì trong *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn (2012: 1105) có chép “chùa Liên Trì ở thôn Cự Lâu thuộc huyện

Thọ Xương là chỗ có của lầu Ngũ Long đời Lê xưa kia..., tám mặt đều đào ao trồng sen, đặt tên là chùa Liên Trì” (Phụ lục 11). Các tài liệu thư tịch Hán Nôm như *Hà Nội sơn xuyên phong vực, Thăng Long cổ tích khảo, Hà Nội địa dư* (Dương Bá Cung - 1851) cho ta biết thêm nhiều thông tin về ngôi chùa Liên Trì này: Thời Tây Sơn lầu Ngũ Long bỏ hoang phế... Đến năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) Tổng đốc Hà Ninh là Nguyễn Đăng Giai dựng chùa mới, quy mô to lớn, đẹp đẽ, gồm 36 dãy, 188 gian¹⁸, quy mô to lớn... Tám mặt xung quanh chùa cho đào thành mương nước để thả sen, và đặt tên là chùa Liên Trì (Viện Nghiên cứu Hán Nôm 1990: 413; Nguyễn Thúy Nga và cộng sự 2007: 44-45, 213-214, 448-449).

Chùa Liên Trì được xây dựng dựa trên một câu kệ trong *Kinh A Di Đà* “Liên trì hải hội, di đà Như Lai, Quán Thế Âm thế chí tọa liên đài, tiếp dẫn thượng kim giai, đại thế hoàng khai, phổ nguyện li trần ai, Nam mô Liên Trì hội thượng Phật Bồ tát, Ma Ha Tát” (Trần Văn Giáp 1939: 237-238). Liên Trì hải hội¹⁹ là thế giới Tây phương cực lạc, tiêu biểu cho sự thể hiện thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, chư vị Bồ tát, các bậc thức giả, Thánh chúng, cùng các Thượng thiện nhân. Gọi là Liên Trì hải hội vì số người tham dự là vô số, trải dài ra như đại dương trong pháp giới (Cổng Thông tin Phật giáo Việt Nam 2022). Liên Trì hải hội được mô tả sinh động và nhiều người biết tới đó chính là các bức bích họa, hay còn gọi là “biến tướng đồ”, mô tả các hoạt cảnh của thế giới

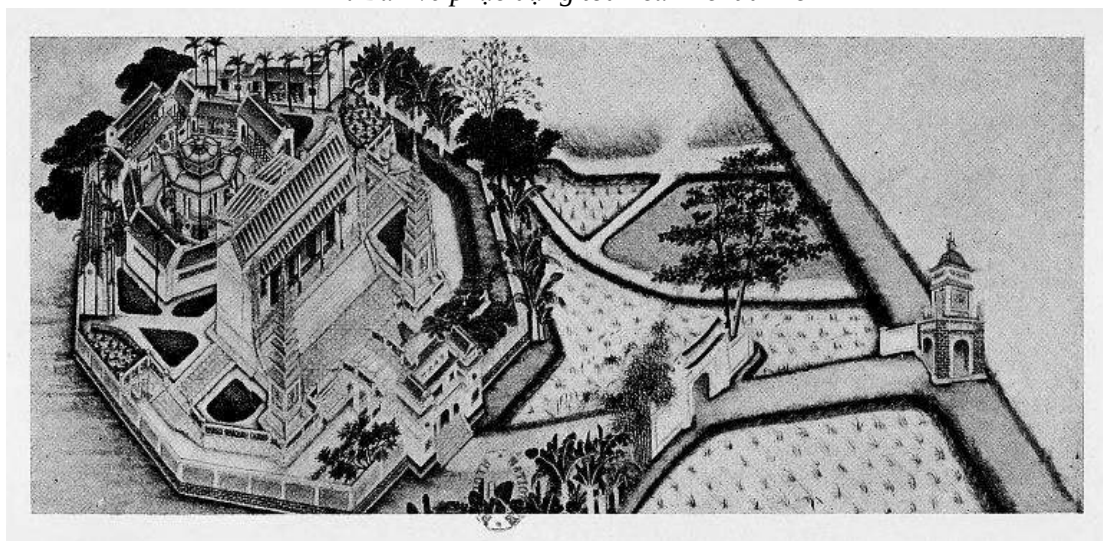
¹⁸ Nguyễn Tuấn Cường (2016: 55) cho biết, chùa Liên Trì với 235 gian, vừa là nơi khắc in kinh sách để hoàng dương chính pháp, vừa là nơi cho chư tăng trong sơn môn tu tập.

¹⁹ Không chỉ xuất hiện trong *Kinh A Di Đà*, câu kệ “Liên trì hải hội” còn xuất hiện trong nhiều kinh sách Phật giáo khác như *Kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa* (Đoàn Trung Còn và cộng sự 2010a: 11), *Kinh Tứ thập nhị chương* (Đoàn Trung Còn và cộng sự 2010b: 10), *Kinh Địa tạng*: nghĩa trọn bộ (Thích Trí Tịnh 1989: 199), *Kinh Tam bảo* (Thích Trí Tịnh 1990: 6, 227).

Tây phương cực lạc tại khu hang Mạc Cao, hang Ngọc Lâm... của Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc, Trung Quốc (Nguyễn Hữu Mạnh và cộng sự 2021: 72). Trên thực tế, chùa Liên Trì được mô tả tách biệt với thế giới bên ngoài khi tám mặt chùa là các hào nước trồng hoa sen, tựa như một ao phước báu tám công đức, mà ở giữa ao phước báu đó mọc lên một đóa sen lớn - tòa Đại Hùng Bảo Điện²⁰ - nơi tập trung một số lượng lớn các tượng Phật sơn son thếp vàng đủ kích cỡ (Labarthe 1885: 102), được bố trí trên nhiều

bậc cao thấp, đối xứng giữa các cột được sơn hai màu vàng và đỏ (Albert 1904: 182). Điều này, cũng phù hợp khi nhiều ghi chép cho thấy rằng, chùa Liên Trì có rất nhiều pho tượng, tựa như “cõi tiên”, thế giới Tây phương cực lạc²¹ (Hocquard 1892: 167; Bourrin 1941: 14). Trong tòa hậu điện người ta chạm khắc trên đá và gỗ “Thập điện Diêm Vương” mô tả hoạt cảnh những hình phạt ở dưới các tầng địa ngục, nên còn được người Pháp gọi là Pagode des Supplices (chùa Khổ Hình) (Masson 1929: 158).

Ảnh 11: Bản vẽ phục dựng toàn cảnh chùa Liên Trì



(Nguồn: EFEO 2023)

Ngoài ra, chùa còn mang nhiều tên gọi, như chùa Cửu Tỉnh (nghĩa là trong chùa có chín cái giếng) (Vũ Ngọc Phan 1987: 51), chùa Sùng Hưng (Chu Thiên 1985: 18; Nguyễn Vĩnh Phúc 2009: 162), chùa Liên Hoa (Nguyễn Thúy Nga và cộng sự 2007: 45, 214). Từ năm 1842-1846, chùa được Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai xây dựng nên cũng hay được gọi là chùa Quan Thượng, chùa Nguyễn Đăng Giai. Tuy nhiên, chùa

Báo Ân²² là tên gọi được nhiều người biết đến vào giữa thế kỷ XIX (Bùi Thiết 1993: 257; Đào Quang Vinh 2010: 179; Schweyer 2012: 268).

Masson (1929: 157), lưu trữ viên của Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương, một nhà cổ tự học cho biết vị trí tọa lạc chính xác của chùa Liên Trì “ở phía Đông Nam hồ (Hoàn Kiếm - nhóm tác giả), chỗ ngày nay là Sở Bưu điện, sừng sững ngôi chùa đặc biệt nhất

²⁰ Dubard (1882: 83) mô tả chi tiết về tòa Đại Hùng Bảo Điện này, tòa nhà dài khoảng 10-12m, rộng 5-6m gồm hai gian phòng nối tiếp nhau, thông với nhau.

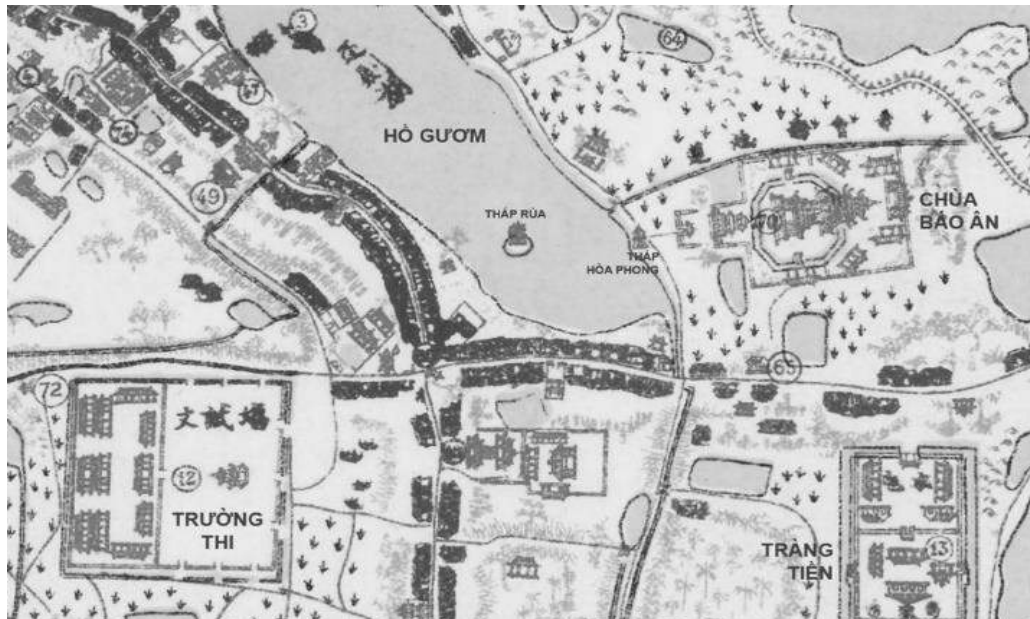
²¹ Duboc (1899: 48) còn cho biết ngoài hành lang của ngôi chùa này, hai hàng bên trái và bên phải là hai hàng dài tượng Phật các loại, mỗi bên có 23 pho tượng.

²² Hà Nội còn có một ngôi chùa Báo Ân khác tọa lạc tại thôn Trung, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm. Đây là một trong ba trung tâm Phật giáo lớn, quan trọng của thiền phái Trúc Lâm vào thời Trần ở miền Bắc nước ta. Muốn tìm hiểu thêm về ngôi chùa này, xin hãy tìm đọc (Viện Nghiên cứu Hán Nôm 1990: 68-69; Bảo tàng Lịch sử Việt Nam 2002: 1-9; Lê Đình Phụng 2012: 75-80).

trong các chùa ở Hà Nội. Tòa nhà chính của chùa được bao bởi một hồ tròn đầy sen, chính hồ sen này đã cho chùa cái tên Liên Trì (Fleurs de Lotus)". Ngoài ra, nhiều tấm bản đồ Hà Nội được vẽ vào cuối thế kỷ XIX cũng cho thấy vị trí của chùa Liên Trì (Ảnh

12). Dựa trên những tư liệu này, chúng ta có thể xác định vị trí chùa Liên Trì [*Liên Trì tự*, 蓮池寺, *chùa Ao Sen*] nằm ở khu vực Bưu điện Hà Nội, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ngày nay với dấu tích tháp Hòa Phong còn sót lại nằm ngay sát bờ hồ Hoàn Kiếm.

Ảnh 12: Vị trí tọa lạc chùa Liên Trì năm 1873



(Nguồn: Phạm Đình Bách)

Chùa Liên Trì là một ngôi chùa lớn, xây dựng quy mô, trên một khoảng đất rộng khoảng 40 hecta. Mặt trước chùa có tháp Hoà Phong nằm ngay sát Hồ Gươm, đi vào cổng tam quan là một tổ hợp kiến trúc có “quy mô lớn nhỏ 36 toà, gồm 188 gian, nhà thờ Phật rộng rãi tráng lệ” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2012: 1105). Chùa được xây dựng với nhiều hành lang, giải vũ, lầu trống, gác chuông, cầu, tháp, v.v. (Ảnh 13). Cho nên, chùa được nhiều Phật tử viếng thăm và đi vào ca dao của người Hà thành xưa:

Gần xa nô nức tung bồng,

Vào chùa Quan Thượng vui bằng động tiên²³ (Trần Hùng 1995: 66).

Năm 1863, Hòa thượng Phúc Điền trụ trì chùa Liên Trì mất là một sự tổn thất lớn cho ngôi chùa có quá khứ huy hoàng, từng là hình bóng trung tâm Phật giáo lớn của miền Bắc. Khi chiến tranh giữa thực dân Pháp và nhà Nguyễn lan rộng ra miền Bắc, nhất là những giai đoạn khốc liệt những năm 1873, năm 1883-1886, ngôi chùa dần trở nên hoang tàn dù mới được xây dựng. Trương Vĩnh Ký (1881: 7), viếng thăm chùa vào mừng 8 Tết năm 1876 cho biết kỹ hơn về tình trạng tàn tạ của ngôi chùa đến mức “hư tệt”. Ngoài ra, nhiều ghi chép của người Pháp để lại cho chúng ta những bằng chứng về sự suy tàn theo thời gian của ngôi cổ tự này. Năm 1878, ngôi chùa được củng cố lại

²³ Có một dị bản khác cho câu ca dao này:
"Gần xa nao nức tung bồng

Vào chùa Quan Thượng vui bằng động tiên"
(Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây 2001: 100)

trước nguy cơ đổ nát (Merki 1895: 87). Năm 1883, Labarthe cho biết các hào nước trồng sen bao quanh chùa Liên Trì đã bắt đầu khô cạn, chùa cũng không có nhà sư trụ trì (Labarthe 1885: 102-103). Merki (1895: 87) cho biết ngôi chùa từng bị Pháp chiếm đóng, được sử dụng làm kho tiếp liệu cho quân đội, than và lúa mì được chất thành đống,

các bức tranh vẽ biến mất dưới một lớp bụi và được quét vôi trắng hoàn toàn. Ngôi chùa hoang tàn và cổng tam quan đã bị phá bỏ. Ngày 30 tháng 3 năm 1885, Lieussou có ghé thăm chùa Liên Trì và có miêu tả một số tượng bị phá bỏ, những bức tượng khác bị đục thủng phía sau được cho là để tìm kiếm kho báu (Lieussou 1886: 167).

Ảnh 13: Tam quan chùa Liên Trì khoảng năm 1875-1877 của Gsell, Émile



(Nguồn: Thư viện hoa sen 2023)

Hiện nay, có nhiều tranh luận về năm chùa Liên Trì bị phá bỏ. Nguyễn Vĩnh Phúc (2009: 163) cho biết chùa Liên Trì bị san bằng do nằm trong quy hoạch đô thị nhằm biến thành phố Hà Nội trở thành thủ phủ của Đông Dương thuộc Pháp trong khoảng năm 1890 đến trước năm 1896. Trong khi đó, Trần Hùng (1995: 39) lại cho biết mốc thời gian mà chùa Liên Trì bị phá để xây nhà Bưu điện và Phủ Thống sứ vào năm 1892. Tuy nhiên, Despierres và cộng sự (1944: 26) cho biết chính xác hơn nguyên nhân và mốc thời gian về việc phá ngôi chùa Liên Trì xưa. Trước đây, Pháp chỉ xây dựng các tòa nhà hành chính tại khu Nhượng địa, năm 1886, Thống sứ An Nam và Bắc Kỳ là Paul

Bert (1833-1886) “cho san lấp và có kế hoạch xây dựng trụ sở bên ngoài khu Nhượng địa để dành cho các cơ quan hành chính công của Pháp. Nơi được chọn là bãi đất lầy, nằm gần địa điểm của ngôi chùa cũ Khổ Hình, đại lộ Francis Garnier (nay là đường Đinh Tiên Hoàng)²⁴. Cần phải lấp lại 20.000 m³ đất trước khi có thể bắt đầu xây dựng các tòa nhà, mà người dân quen gọi là “bốn tòa nhà”, cụ thể là: Trường Cao đẳng

²⁴ Đồng thời, ở phía trên tôi đã trình bày Gustave Dumoutier có thể đã thu thập pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát trước ngày 29 tháng 7 năm 1887, ngày mà Gustave Dumoutier gửi một kiện hàng từ Hà Nội tới Quảng trường Trocadero, gần Quảng trường Invalides nơi diễn ra Hội trợ triển lãm Quốc tế năm 1889, sự kiện mà pho tượng được trưng bày.

Paul-Bert, Tòa thị chính, Kho bạc và Bưu điện”. Sau khi phá dỡ chùa Liên Trì, việc xây dựng này được tiến hành từ năm 1889 và hoàn thành năm 1892 trong quy hoạch đô thị cho thủ đô của thuộc địa (Baptiste 2001: 62). Trong tư liệu bản đồ của Pháp, tôi căn cứ vào bản đồ “Plan de Hanoi et de ses environs” của Charles Halais xuất bản năm 1891 vẫn còn địa danh chùa Liên Trì và bản đồ Environs de Hanoi của Bureau topographique des troupes de l'Indochine xuất bản năm 1893 không còn địa danh này nữa nên tôi hoàn toàn đồng ý với luận điểm của Pierre Baptiste, chùa Liên Trì đã bị phá bỏ trước năm 1892.

6. Một vài nhận xét

Việt Nam nằm ở ngã tư đường, là nơi giao lưu và tiếp xúc mạnh mẽ của các nền văn hóa lớn như Trung Hoa, Ấn Độ, v.v, cùng với những yếu tố nội sinh như tín ngưỡng thờ nữ thần, tín ngưỡng vạn vật hữu linh đã giúp Việt Nam mang trong mình một nền văn hóa đậm bản sắc, cá tính Việt. Dưới đôi tay tài hoa của người thợ thủ công nhiều báu vật của cha ông đã được tạo tác ra, nhất là các tác phẩm điêu khắc ở đỉnh cao của nghệ thuật Phật giáo khu vực và thế giới. Việt Nam trải qua hơn 100 năm đau thương (1858-1975), là thuộc địa của thực dân Pháp (1858-1954) rồi chiến tranh giải phóng dân tộc, đối đầu trực diện với đế quốc Hoa Kỳ (1954-1975) và cả những sai lầm trong quá khứ, nên nhiều di sản của cha ông bị phá hủy hoặc lưu lạc nơi xứ người, trong đó có bộ sưu tập hiện vật đang được trưng bày tại Bảo tàng Nghệ thuật châu Á Guimet. Bức tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát đang được trưng bày ở phòng trưng bày nghệ thuật Đông Nam Á của Bảo tàng Nghệ thuật châu Á Guimet có nguồn gốc từ miền Bắc Việt Nam là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời, được xếp vào kiệt tác của

nghệ thuật tạc tượng Phật giáo Việt Nam giữa thế kỷ XIX. Nghiên cứu này dựa trên nhiều nguồn tư liệu, nhất là các ghi chép trước đây của người Pháp cuối thế kỷ XIX để khôi phục lại xuất xứ, hành trình lưu lạc của pho tượng và đưa ra ba nhận định sau.

Thứ nhất, pho tượng cùng nhiều hiện vật Phật giáo trong phòng trưng bày này được cho là nằm trong bộ sưu tập 37 hiện vật mà Gustave Dumoutier đã chuyển từ Việt Nam sang để nhằm “phục dựng bối cảnh thờ phụng của một ngôi chùa Bắc Kỳ” tại Hội chợ triển lãm Quốc tế Paris năm 1889, sau đó, ông đã tặng bộ tượng cho Bảo tàng Guimet (Musée Guimet 1904: 39). Những ghi chép của Milloué (1897: 177-178) cho thấy pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát được trưng bày trong “phòng trưng bày Đông Dương”, trong tủ kính số 9 “An Nam và Đàng Ngoài” và được chú thích là “Quán Thế Âm (Kouan-yin), thần hoặc nữ thần của lòng từ bi, nghìn tay; gỗ thếp vàng từ Hà Nội”. Đây là những bằng chứng xác quyết nguồn gốc “Hà Nội, Việt Nam” của pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát này.

Thứ hai, trong bộ sưu tập tượng thờ mà Gustave Dumoutier trao tặng cho Bảo tàng Guimet, có một bức tượng được xác định là Hòa thượng Phúc Điền - một cao tăng được triều Nguyễn ban giới đao và độ điệp, người có nhiều công sức trong việc dịch, biên soạn và in ấn kinh sách; khởi dựng và trùng tu tôn tạo các ngôi chùa ở miền Bắc Việt Nam trong thế kỷ XIX. Do đó, bộ sưu tập tượng này có khả năng đến từ một ngôi chùa mà Hòa thượng Phúc Điền từng trụ trì, hoàng dương Phật pháp để đảm bảo yếu tố “phục dựng bối cảnh thờ phụng của một ngôi chùa Bắc Kỳ” mà Gustave Dumoutier hằng mong muốn, thậm chí ông còn đưa cả các nhà sư sang thực hiện nghi lễ tại ngôi chùa được dựng trong Hội chợ triển lãm Quốc tế Paris năm 1889. Thông tin mà Gustave Dumoutier

để lại cũng cho biết pho tượng mà bộ sưu tập này thuộc về khắc họa nhà sư An Thiên/Hòa thượng Phúc Điền vị tổ sáng lập ngôi chùa Liên Trì.

Thứ ba, tôi cũng chỉ ra rằng tồn tại sợi dây liên kết giữa Gustave Dumoutier với ngôi chùa Liên Trì. Ngôi chùa được Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai và Hòa thượng Phúc Điền cho xây dựng ven Hồ Hoàn Kiếm trong giai đoạn 1842-1846. Liên Trì từng là ngôi chùa lớn, trung tâm khắc in kinh sách Phật học quan trọng và là một thắng cảnh được nhiều người ghé thăm, trong đó có Gustave Dumoutier. Gustave Dumoutier có ấn tượng sâu sắc với ngôi chùa Liên Trì, điều này được biểu đạt trong nhiều công trình hiện còn đến ngày nay của ông. Khi chính quyền thực dân Pháp muốn xây dựng trung tâm hành chính, ngôi chùa Liên Trì vướng trong quy hoạch, Gustave Dumoutier đã hoạt động rất sôi nổi trong việc kêu gọi giới chức trong chính quyền thuộc địa lúc bấy giờ bảo tồn lại ngôi chùa này. Bắt đầu từ năm 1886, ngôi chùa này bị san lấp và tiến hành phá hủy, do đó, nhiều pho tượng thờ đã được Gustave Dumoutier thu thập, bảo quản và mang về Pháp với mong muốn giới thiệu cho người dân Pháp về những bảo vật trong nghệ thuật Phật giáo Việt Nam lúc bấy giờ.

Tựu chung lại, với nghiên cứu này, tôi hy vọng trả lại đúng vị trí và làm phong phú thêm cho kho tàng lịch sử nghệ thuật Phật giáo Việt Nam một pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát đặc sắc với nguồn gốc và niên đại rõ ràng. Đồng thời, qua nghiên cứu pho tượng cổ này, tôi cũng bước đầu đưa ra những gợi mở để làm “sống lại” một di tích Phật giáo quy mô từng tồn tại bên Hồ Gươm - chùa Liên Trì. Dẫu thời gian trôi qua hơn một thế kỷ từ khi chùa bị phá, dấu di tích chùa xưa nay cũng chỉ còn dấu vết thì những dư âm nhắc nhở về “chùa xưa tích cũ” vẫn luôn hiện hữu, âm thầm chảy trong đời sống ngày nay.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tiến hành trong khuôn khổ đề tài QG.22.38. Tôi gửi lời cảm ơn trân trọng tới PGS.TS Đặng Hồng Sơn, NNC Đào Xuân Ngọc đã có những góp ý, thảo luận; dịch giả Nguyễn Hương Nhu (Hà Nội) đã giúp hiệu đính bản dịch tư liệu Pháp văn được sử dụng trong bài viết.

Tài liệu trích dẫn

- Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. 2002. *Báo cáo sơ bộ kết quả thám sát Khảo cổ học di tích chùa Báo Ân (Đương Quang - Gia Lâm - Hà Nội) năm 2002*. Hà Nội: 1-9.
- Baptiste Pierre. 2001. “Trois sculptures vietnamiennes restaurées” (Ba tác phẩm điêu khắc Việt Nam được phục chế). *La revue du Louvre et des Musées de France*, Paris 1-2001: 58-67.
- Baptiste Pierre. 2015. “Une Statue de Quán Âm à Mille Bras Au Musée Guimet À Propos d’une Réattribution” (Tái phát hiện tượng Quán Âm Nghìn tay tại Bảo Tàng Guimet). *Arts du Vietnam, Nouvelles approches, Universitaires de Rennes*: 205-212.
- Bourrin Ennemond Claude. 1941. *Le vieux Tonkin le théâtre-le sport-la vie mondaine (Bắc Kỳ xưa, sân khấu-thể thao-đời sống xã hội)*. Hanoi: Impr. d’Extrême-Orient. (<http://books.google.com/books?id=oWxuAAAAMAAJ>). Truy cập ngày 20/06/2023.
- Bùi Thiết. 1993. *Từ điển Hà Nội địa danh*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
- Albert Challan De Belval. 1904. *Au Tonkin, 1884-1885: notes, souvenirs et impressions (Ở Bắc Kỳ, 1884-1885: ghi chú, ký ức và ấn tượng)*. Paris: Plon-Nourrit et cie. (<http://books.google.com/books?id=-mtCAAAIAAJ>) (truy cập thành công ngày 20.06.2023).
- Chu Thiên. 1985. *Bóng nước hồ Gươm, tập 1*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.

- Cổng thông tin Phật Giáo Việt Nam. 2021. “Hai mươi năm cảnh giới hiện hữu”. In trong *Từ điển Phật học online* (<https://phatgiao.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/hai-muoi-lam-can-h-gioi-hien-huu-k27825.html>) Truy cập ngày 20/06/2023).
- Cổng thông tin Phật Giáo Việt Nam. 2022. “Liên trì hải hội”. in trong *Từ điển Phật học online*. (<https://phatgiao.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/lien-tri-hai-hoi-k55394.html>. Truy cập ngày 20/6/2023).
- Đào Quang Vinh. 2010. “La fabrication d'un paysage urbain à hà-nôi : identité architecturale et valeurs patrimoniales de l'habitat du quartier Bùi Thị Xuân” (“Tạo dựng cảnh quan đô thị hà-nôi: bản sắc kiến trúc và giá trị di sản nhà ở phố Bùi Thị Xuân”). *Thèse. Montréal (Québec, Canada)*. Université du Québec à Montréal, Doctorat en études urbaines.
- Despierres, René, and Cadière. 1944. *Le service des P.T.T. en Indochine (des origines a 1940)* (Dịch vụ PTT ở Đông Dương (từ nguồn gốc đến năm 1940)). Hanoi: Imprimerie d'Extrême-Orient.
- Đoàn Thị Mỹ Hương. 2010. “Trí tuệ tạo hình của người Việt qua tượng Quán Thế Âm nghìn mắt nghìn tay thế kỷ XV-XVIII (Vùng châu thổ sông Hồng)”. *Tóm tắt luận án Tiến sĩ Nghệ thuật*. Hà Nội: Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam.
- Đoàn Trung Còn, Nguyễn Minh Tiến. 2010a. *Kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa*. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tôn giáo.
- Đoàn Trung Còn, Nguyễn Minh Tiến. 2010b. *Kinh Tứ thập nhị chương*. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tôn giáo.
- Dubard, Maurice. 1882. *La vie en Chine et au Japon: précédée d'une expédition au Tonkin* (Cuộc sống ở Trung Quốc và Nhật Bản: trước chuyến thám hiểm tới Bắc Bộ). Paris: Dentu. (<https://play.google.com/books/reader?id=XF4UAAAAYAAJ&hl=vi>). Truy cập ngày 20/6/2023).
- Dumoutier Gustave. 1888. “L'Enfer, notes sur le bouddhisme tonkinois” (Địa ngục, ghi chú về Phật giáo Bắc Kỳ). *Revue d'Ethnographie*. Paris: Leroux.
- Dumoutier Gustave. 1913. “Le clergé et les temples bouddhiques au Tonkin” (Tăng lữ và chùa chiền ở Bắc Kỳ). *Revue Indochinoise* 10: 443-463.
- Duboc Émile Charles Eutrope. 1899. *35 mois de campagne: en Chine, au Tonkin: Courbet - Rivière (1882-1885)* (35 tháng chiến dịch: Ở Trung Quốc, Bắc Kỳ: Courbet - Rivière (1882-1885)). Paris: Librairie d'éducation nationale.
- Dupaigne Bernard. 2001. “Histoire des collections d'Asie du Musée de l'Homme” (“Lịch sử các bộ sưu tập châu Á của Musée de l'Homme”). *Outre-Mers* 88: 332-333: 129-152. DOI : <https://doi.org/10.3406/outre.2001.3885>. Truy cập ngày 20/6/2023.
- EFEO 2023, Tìm hiểu về chùa Báo Ân Hà Nội: Ngôi cổ tự lớn bậc nhất Thăng Long xưa, (<https://vinpearl.com/vi/tim-hieu-ve-chua-bao-an-ha-noi-ngoi-co-tu-lon-bac-nhat-thang-long-xua>). Truy cập ngày 20/6/2023).
- Hà Văn Tấn. 1965. “Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* 76: 39-50.
- Hà Văn Tấn. 1970. “Cột kinh Phật thời Đinh thứ hai ở Hoa Lư”. *Tạp chí Khảo cổ học* 5-6: 24-31.
- Hà Văn Tấn. 1986. “Về ba yếu tố của Phật giáo Việt Nam: Thiền, Tịnh, Mật”. Trang 21-35, trong *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Hà Nội: Viện Triết học.
- Hà Văn Tấn. 1997. “Các bi ký thời Trần viết về tượng Quán Thế Âm nghìn tay nghìn mắt”. Trang 425-426 trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1996*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phan Ngọc Long. 1993. *Chùa Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Hạnh Cơ (dịch). 2012. “Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm”. *Ban bảo trợ phiên dịch Pháp tạng Việt Nam* (<https://phapthihei.org/kinh/Ebooks/Dai-Tang-Kinh/Kinh-Bac-Tong/Kinh-Thu-Lang-Nghiem-Cs-Hanh-Co-Dich.pdf>). Truy cập ngày 20/6/2023).
- Hậu Đăng Đại Dụng. 2021. *Tìm hiểu Bồ tát Quán Thế Âm*. Hà Nội: Nhà xuất bản Dân trí.

- Hocquard Charles-Édouard. 1892. *Une campagne au Tonkin* (Một chiến dịch ở Bắc Kỳ). Paris: Hachette.
- Hong Tsai-Hsia. 2007. “The Water - Land Dharma Function Platform Ritual and the Great Compassion Repentance Ritual”. *ProQuest Dissertations and Theses*. Ann Arbor: University of the West PP - United States - California (<https://www.proquest.com/dissertations-theses/water-land-dharma-function-platform-ritual-great/docview/304764751/se-2?accountid=34292>). Truy cập ngày 20/6/2023.
- Labarthe Charles. 1885. “Ha-noi capitale du Tong-king en 1883” (“Kinh đô Hà Nội của Bắc Kỳ năm 1883”). In *Revue de géographie*. Tome XVII. Paris: Institut Geographique de Paris, CH. Delagrave: 91-103.
- Lê Đình Phụng. 2012. “Chùa Báo Ân (Gia Lâm - Hà Nội) trong hệ thống chùa thiền phái Trúc Lâm”. Tạp chí *Khảo cổ học* 1: 75-80.
- Lieussou Georges. 1886. “Tonkin, Notes de voyage - Mars 1885 de Haiphong a Hanoi” (Bắc Kỳ, Du ký - Tháng 3 năm 1885 từ Hải Phòng ra Hà Nội). Pp 159-168, In *Revue Française de l'étranger et des colonies*, Tome III. Paris: Imprimerie et librairie centrales des chemins de fer, Imprimerie Chaix.
- Lý Lợi An. 2021. *Nguồn gốc hình thành và phát triển tín ngưỡng Quán Âm*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động.
- Mạc Chấn Lương. 2009. *Tạc tượng Phật và kiến trúc chùa*. Hà Nội: Nhà xuất bản Mỹ thuật.
- Malalasekera Gunapala Piyasena. 1966. *Encyclopaedia of Buddhism*, Vol 2. Ceylon: Government of Sri Lanka.
- Masson, André. 1929. *Hanoi pendant la période héroïque, 1873-1888* (Hà Nội thời kỳ hào hùng, 1873-1888). Paris: Gratiute.
- Merki, Charles. 1895. “Sur les croyances des Annamites” (Về tín ngưỡng của người An Nam), in *Mercure de France*. Vaduz: Kraus Peprint Limited, pp.63-89. (<https://play.google.com/books/reader?id=joR9tgwbN94C&hl=vi>). Truy cập ngày 20/6/2023.
- Milloué (De), Léon-Joseph. 1897. *Petit guide illustré au Musée Guimet* (Hướng dẫn minh họa ngắn gọn về Bảo tàng Guimet). Par L. de Milloué, Conservateur. Paris: Ernest Leroux.
- Monod, Émile. 1890. *L'exposition universelle de 1889: grand ouvrage illustré historique, encyclopédique, descriptif, II* (Triển lãm toàn cầu năm 1889: lịch sử, bách khoa, mô tả tác phẩm minh họa). Paris: E. Dentu.
- Musée De Rochefort. 1905. *Notice des peintures, sculptures, dessins, gravures et médailles exposés au Musée de Rochefort* (Thông báo về các bức tranh, tác phẩm điêu khắc, bản vẽ, bản khắc và huy chương được trưng bày tại Bảo tàng Rochefort). Rochefort: Impr. Thèze.
- Musée Guimet. 1904. *Le Jubilé du Musée Guimet: vingt-cinquième anniversaire de sa fondation, 1879-1904* (Năm Thánh của Bảo tàng Guimet: Kỷ niệm 25 năm thành lập, 1879-1904). Paris: Ernest Leroux, (<http://catalogue.bnf.fr/ark:/12148/cb33443369>). Truy cập ngày 20/06/2023.
- Musée National Des Arts Asiatiques - Guimet. 2017. *Partenaires Média - 113 Ors d'Asie* (Đối tác Truyền thông - 113 báu vật vàng châu Á). Paris.
- Musée National Des Arts Asiatiques - Guimet. 2021. (<https://pages.facebook.com/museeguimet/photos/a.429476709264/10159159402529265/?type=3&source=48>). Truy cập thành công ngày 20/6/2023.
- Nguyễn Duy Hinh. 2007. *Một số bài về Tôn giáo học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Hữu Mạnh và Mai Bùi Diệu Linh. 2019. “Tiểu phẩm Phật giáo Champa ở núi Chồi, Quảng Ngãi”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn* 5 (6): 709-727.
- Nguyễn Hữu Mạnh, Nguyễn Văn Anh và Kiều Đình Sơn. 2021. “Hình tượng đầu người mình chim: nguồn gốc, tên gọi và ý nghĩa biểu tượng”. *Tạp chí Khảo cổ học* 4: 66-79.
- Nguyễn Mạnh Cường. 1985. “Pho tượng Quán Thế Âm nghìn mắt nghìn tay ở chùa Nga My (Hà Nội)” *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1984*: 205-206.
- Nguyễn Quốc Tuấn. 2012. *Chùa Bối Khê nhìn từ khảo cổ học Phật giáo*. Hà Nội: Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa.

- Nguyễn Thị Chân Quỳnh. 2005. “Đi tìm dấu tích chùa Quan Thượng”, in trong *Vietsciences* (<http://vietsciences.free.fr/lichsu/lichsucacnuoc/chuaquanthuong.htm>). Truy cập ngày 26/7/2021.
- Nguyễn Thuý Nga, Nguyễn Văn Nguyên. 2007. *Địa chí Thăng Long Hà Nội trong thư tịch Hán Nôm*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới.
- Nguyễn Tuấn Cường (Thích Minh Nghiêm). 2016. *Nghiên cứu tác phẩm Đạo giáo nguyên lưu của Hòa thượng Phúc Điền*. Luận án Tiến sĩ ngành Hán Nôm, Học viện Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Vĩnh Phúc. 2009. *Hồ Hoàn Kiếm và Đền Ngọc Sơn*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hà Nội.
- Phạm Đình Bách. 1873. Bản đồ Hà Nội, Thư viện Quốc gia Việt Nam (<http://bando.nlv.gov.vn/bando?a=d&d=FJjH U#>). Truy cập ngày 20/6/2023.
- Phạm Như Hồ và Nguyễn Mạnh Cường. 1983. “Pho tượng Phật Bà Quán Thế Âm chùa Đa Tốn, Hà Nội”, *Tạp chí Khảo cổ học* 3: 42-51.
- Phạm Thị Chuyên. 2020. *Phật giáo thời Lê Sơ qua tư liệu Hán Nôm*. Luận án Tiến sĩ Tôn giáo học. Hà Nội: Học viện Khoa học Xã hội.
- Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. 2012. *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động.
- Riotor Léon, G. Léofanti. 1895. *Les enfers bouddhiques* (Các tầng địa ngục theo Phật giáo). Paris: Chamuel.
- Schweyer Anne-Valérie. 2012. *Việt Nam: histoire, arts, archéologie* (Việt Nam: lịch sử, nghệ thuật, khảo cổ học). Genève: Olizane.
- Thích Minh Cảnh. 2016. *Từ điển Phật học Huệ Quang*, Tập 6. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thích Minh Tâm. 1998. “Vài nét về Hòa thượng Phúc Điền, tác giả sách Đạo giáo nguyên lưu”. *Thông báo Hán Nôm học năm 1997*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới: 560-563.
- Thích Minh Tín. 2008. “Tìm hiểu thêm về Sa môn An Thiên”. *Tạp chí Hán Nôm* 1 (86): 48-55.
- Thích Trí Tịnh. 1989. *Kinh Địa tạng: Nghĩa trọn bộ*. Phật học viện Quốc tế xuất bản.
- Thích Trí Tịnh. 1990. *Kinh Tam Bảo*. Phật học viện Quốc tế xuất bản.
- Thư viện hoa sen 2023, *Những hình ảnh quý giá về chùa Báo Ân Hà Nội xưa*, (<https://thuvienhoasen.org/a21689/nhung-hinh-anh-quy-gia-ve-chua-bao-an>). Truy cập ngày 20/6/2023.
- Trần Hùng. 1995. *Thăng Long - Hà Nội 10 thế kỷ đô thị hóa*. Hà Nội: Nhà xuất bản Xây dựng.
- Trần Trọng Dương. 2012. *Nghiên cứu chữ Nôm và Tiếng Việt qua các bản dịch Nôm Khóa Hư Lục*. Hà Nội: Nhà xuất bản Từ Điển Bách Khoa.
- Trần Văn Giáp. 1939. “Note sur la bannière de l'âme. A propos d'une cérémonie bouddhique à la mémoire des victimes du “Phénix”” (“Lưu ý về lá cờ của tâm hồn. Về buổi lễ Phật giáo tưởng nhớ các nạn nhân của trận “Phượng Hoàng”). (Tome 39): 224-272, In: *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*. DOI: <https://doi.org/10.3406/befeo.1939.3726>.
- Trịnh Thị Dung (Thích Đàm Thanh). 2010. *Biểu hiện của yếu tố nữ trong Phật giáo Việt Nam qua hình tượng Phật Bà Quán Thế Âm*. Luận văn Thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây. 2001. *Kho tàng ca dao người Việt (văn E, G, H)*. Hà Nội: VDV Media.
- Trương Vĩnh Ký. 1881. *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi 1876*. Sài Gòn: Guiland Et Martinon.
- Ủy ban Khoa học Xã hội. 1978. *Tuyển tập văn bia Hà Nội*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Viện Nghiên cứu Hán Nôm. 1990. *Di tích Lịch sử văn hóa Việt Nam: Bảng tra tư liệu thư tịch Hán Nôm*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Vogue Eugene - Melchior. 1889. “A travers l'Exposition” (Thông qua Triển lãm). pp. 173-195 In *La Revue des Deux Mondes*, Tome XCVI. Paris: Bureau de la revue des Deux Mondes.
- Vũ Ngọc Phan. 1987. *Những năm tháng ấy*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.
- Williams Paul, Tribe, Anthony. 2002. *Buddhist thought: a complete introduction to the Indian tradition*. London: Routledge.

PHỤ LỤC 1

Bản đồ 1: Các ngôi chùa Hòa thượng Phúc Điền trụ trì và thường xuyên lui tới

